

Công bố giá vật liệu xây dựng tháng 3 năm 2024
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ủy quyền công bố giá vật liệu xây dựng; đơn giá nhân công xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành quy định giá cước vận tải hàng hóa bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Trên cơ sở văn bản báo giá vật liệu xây dựng của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, các đại lý phân phối các cấp trong và ngoài tỉnh; khảo sát, xác định giá vật liệu xây dựng của các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh; Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng tháng 3 năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

1. Về nguồn thông tin, xác định giá vật liệu xây dựng

- Giá vật liệu xây dựng do UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc cung cấp để công bố tại Phụ lục 1.

- Thông tin báo giá vật liệu xây dựng do các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh cung cấp để công bố tại Phụ lục 2.

PHIẾU KIỂM TRA
KIỂM SÁT, XÁC ĐỊNH GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG DO CÁC NHÀ VẬT LIỆU SẢN XUẤT CỦA UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ CUNG CẤP THÁNG 3/2024
(Kèm theo Văn bản số 491/SG-STD ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Sở Xây dựng Lâm Đồng)

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	GHI CHÚ	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*												
											Bà Lạt	Lạc Dương	Đức Trọng	Đức Trọng	Đức Trọng	Lâm Hà	Đạm Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ Huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]		[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	
I	XI MĂNG																						
		Xi măng Hà Tiên PCB40	đá	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009		Công ty CP XM Hà Tiên						2,280,000	2,200,000	2,300,000		2,400,000	2,200,000	2,198,800	2,260,000		2,040,000	2,100,000	
		Xi măng Inacec PCB40	đá	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009		C.Ty TNHH XM Holcim Việt Nam						2,300,000	2,200,000	2,200,000			2,200,000	2,208,000	2,018,519	1,940,000	2,000,000	2,100,000	
		Xi măng Nghi Sơn PCB40	đá	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009		Công ty XM Nghi Sơn						2,260,000	2,260,000	2,200,000	2,200,000	2,400,000	2,200,000						
		Xi măng Phúc Sơn PCB40	đá	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009		Công ty XM Phúc Sơn								2,100,000	2,100,000	2,360,000	2,100,000						
		Xi măng Cẩm Phả PCB40	đá	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009		Công ty CP XM Cẩm Phả	Việt Nam					2,140,000		2,100,000	2,100,000		2,100,000	1,959,600	2,060,000	1,800,000	1,900,000	1,960,000	
		Xi măng Công Thành PCB40	đá	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009		Công ty CP XM Công Thành													2,040,000				
		Xi măng Thăng Long PCB40	đá	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009		Công ty CP XM Thăng Long																	
		Xi măng Long Sơn PCB40	đá	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009		Công ty XM Long Sơn									2,300,000								
II	CÁT XÂY DỰNG																						
		Cát xây, 10	m³	Không có thông tin								580,000	570,000	480,000	550,000		500,000	480,000	520,000	490,000	350,000	360,000	350,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	GHI CHÚ	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*												
											Dà Lạt	Lạc Dương	Đen Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đan Rộng	Đi Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Dự hùn	Dự Tồn	Cát Tiên	
		Cát đen	m ³	Không có thông tin			Việt Nam			TP Đà Lạt bán giá tại cửa hàng: VLXD Thanh Trung, địa chỉ: 214 Hẻm Bà Trưng, Quận Hoàng Hoa Thám, TP. TNBHT Phước Tín, địa chỉ: 10/2 Tư Phước, phường 11, Quận Đức Trọng (TNBHT) Huyện Lạc Dương bán giá tại cửa hàng trong tâm huyện: Cửa hàng VLXD Mạnh Chung, số 32 Lang Bang thị trấn Lạc Dương, Công ty TNHH TM-DV Thống Nhất số 10 Bàu Lát, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng, Đ.T: 0912309091, địa chỉ: Lạc Dương Huyện Đức Trọng bán giá của Công ty TNHH XD&TM Ngọc Thành, địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, Cầu hàng VLXD&TTNT Phước Tín, ĐC: 32 Thống Nhất, Liên Nghĩa, Cầu hàng VLXD&TTNT Hải Hòa, ĐC: 342, Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa Huyện Đan Rộng bán giá: DNTN Triều An (SDT: 06033 984 910), Cầu hàng VLXD Khánh Hòa số 1 xã Rổ Mưa (SDT: 0942 179888) Huyện Di Linh bán giá tại thị trấn VLXD Duy Thuận số 1000, đường Hùng Vương, thị trấn phố 15, thị trấn Di Linh, Thành phố Bảo Lộc: bán giá tại Công ty TNHH Thương Mại Xúc Động - V-T-Vô Tiến, địa chỉ: 815 Triều Phú, Phường H.Lan TP Bảo Lộc, Công ty TNHH Thành Lộc Phương địa chỉ: 151 Triều Phú, phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc Huyện Bảo Lâm bán giá tại Cửa hàng VLXD Thanh Trung, địa chỉ: Hẻm Ngã 3 TT Lộc Thắng - H. Bảo Lâm, Đ.T: 0961.442.139, Cầu hàng VLXD Thanh Trung, địa chỉ: Hẻm Ngã 3 TT Lộc Thắng - H. Bảo Lâm, Đ.T: 0961.442.139 Huyện Cát Tiên bán giá tại Cửa hàng VLXD Thanh Trung, địa chỉ: phố 1, thị trấn Cát Tiên	550,000	570,000	480,000	550,000		450,000	480,000			350,000	360,000		
		Cát đen (sạn lấp)	m ³	Không có thông tin								300,000				250,000	300,000						
		Cát nghiền	m ³	Không có thông tin																			
III	GẠCH XÂY CÁC LOẠI																						
	Gạch Tuynen																						
		Gạch ống 6 lỗ tròn	viên	Không có thông tin	(17,5x10,5x7,5) cm		Việt Nam			Huyện Lạc Dương bán giá tại cửa hàng trong tâm huyện: Cửa hàng VLXD Mạnh Chung, số 32 Lang Bang thị trấn Lạc Dương, Công ty TNHH TM-DV Thống Nhất số 10 Bàu Lát, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng, Đ.T: 0912309091, địa chỉ: Lạc Dương Huyện Đức Trọng bán giá của Công ty TNHH XD&TM Ngọc Thành, địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, Cầu hàng VLXD&TTNT Phước Tín, ĐC: 32 Thống Nhất, Liên Nghĩa, Cầu hàng VLXD&TTNT Hải Hòa, ĐC: 342, Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa Huyện Đan Rộng bán giá: DNTN Triều An (SDT: 06033 984 910), Cầu hàng VLXD Khánh Hòa số 1 xã Rổ Mưa (SDT: 0942 179888) Huyện Di Linh bán giá tại thị trấn VLXD Duy Thuận số 1000, đường Hùng Vương, thị trấn phố 15, thị trấn Di Linh, Thành phố Bảo Lộc: bán giá tại Công ty TNHH Thương Mại Xúc Động - V-T-Vô Tiến, địa chỉ: 815 Triều Phú, Phường H.Lan TP Bảo Lộc, Công ty TNHH Thành Lộc Phương địa chỉ: 151 Triều Phú, phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc Huyện Bảo Lâm bán giá tại Cửa hàng VLXD Thanh Trung, địa chỉ: Hẻm Ngã 3 TT Lộc Thắng - H. Bảo Lâm, Đ.T: 0961.442.139, Cầu hàng VLXD Thanh Trung, địa chỉ: Hẻm Ngã 3 TT Lộc Thắng - H. Bảo Lâm, Đ.T: 0961.442.139 Huyện Cát Tiên bán giá tại Cửa hàng VLXD Thanh Trung, địa chỉ: phố 1, thị trấn Cát Tiên	2,000	2,000	1,800				1,300	1,790	1,900		1,300		
		Gạch ống 6 lỗ vuông	viên	Không có thông tin	(17,5x10,5x7,5) cm					Cửa hàng VLXD Du Thanh Hưng, địa chỉ: 0912309091, thị trấn Lạc Dương Huyện Đức Trọng bán giá của Công ty TNHH XD&TM Ngọc Thành, địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, Cầu hàng VLXD&TTNT Phước Tín, ĐC: 32 Thống Nhất, Liên Nghĩa, Cầu hàng VLXD&TTNT Hải Hòa, ĐC: 342, Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa Huyện Đan Rộng bán giá: DNTN Triều An (SDT: 06033 984 910), Cầu hàng VLXD Khánh Hòa số 1 xã Rổ Mưa (SDT: 0942 179888) Huyện Di Linh bán giá tại thị trấn VLXD Duy Thuận số 1000, đường Hùng Vương, thị trấn phố 15, thị trấn Di Linh, Thành phố Bảo Lộc: bán giá tại Công ty TNHH Thương Mại Xúc Động - V-T-Vô Tiến, địa chỉ: 815 Triều Phú, Phường H.Lan TP Bảo Lộc, Công ty TNHH Thành Lộc Phương địa chỉ: 151 Triều Phú, phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc Huyện Bảo Lâm bán giá tại Cửa hàng VLXD Thanh Trung, địa chỉ: Hẻm Ngã 3 TT Lộc Thắng - H. Bảo Lâm, Đ.T: 0961.442.139, Cầu hàng VLXD Thanh Trung, địa chỉ: Hẻm Ngã 3 TT Lộc Thắng - H. Bảo Lâm, Đ.T: 0961.442.139 Huyện Cát Tiên bán giá tại Cửa hàng VLXD Thanh Trung, địa chỉ: phố 1, thị trấn Cát Tiên			1,800	2,000		1,300							
		Gạch ống 4 lỗ	viên	Không có thông tin	(17,5x7,5x7,5)cm					Lạc Dương: bán giá tại cửa hàng trong phạm vi 10km tính từ cửa hàng trong tâm huyện. Đen Rừng: bán giá tại cửa hàng trong phạm vi 10km tính từ cửa hàng trong tâm huyện. Đi Linh: bán giá tại cửa hàng trong phạm vi 10km tính từ cửa hàng trong tâm huyện.		2,250	1,500	1,800				1,460			1,100		

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	GHI CHÚ	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*													
											Bê Lát	Lạc Dương	Bên Dương	Dục Trọng	Lâm Hà	Đan Rộng	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Dự Huân	Dự Tếch	Cát Tiên		
		Gạch thẻ	viên	Không có thông tin	(17,5x7,5x3,5)cm					Đạ Tẻh: giao từ công trình, trong địa bàn huyện + 18km VLXD Khánh Hòa T và Bô Mơn (SDT: 0962 779486). Thị trấn phố Bà Lợn: báo giá tại Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng - V.T.Vũ Tiến, địa chỉ: 117 Trần Phú, Phường RTAnTP Bà Lợn, Công ty TNHH Thành Lợi Phương địa chỉ: 15) Trần Phú, phường Lạc Ninh, TP Bà Lợn. Huyện Bảo Lâm báo giá Công ty TNHH XD LTĐ Đại Minh (Địa chỉ: Lạc Thông, huyện Bảo Lâm SDT: 6023877496)	2,000	1,500	1,400	1,500										
	Gạch không nung																							
		Gạch không nung (5x8x18)cm	viên	Không có thông tin	(5x8x18)cm															1,560				
		Gạch không nung (7,5x7,5x17,5)cm	viên	Không có thông tin	(7,5x7,5x17,5)cm																			
		Gạch không nung (7,5x11,5x17,5)cm	viên	Không có thông tin	(7,5x11,5x17,5)cm																			
		Gạch không nung (8x8x18)cm	viên	Không có thông tin	(8x8x18)cm					Đan Rộng: giao từ công trình trong phạm vi 18km tính từ cửa hàng Đạ Tẻh: báo giá tại Cty TNHH Phương Hoàng Mai, TĐPMĐ, địa chỉ Đạ Tẻh Huyện Đạ Trạng báo giá tại: Công ty TNHH XD&TM Ngọc Thanh, địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn Lâm Nghĩa, Căn hàng VLXD&TMNT Phước Thọ, ĐC: 32 Thôn Nhứt, Lâm Nghĩa, Căn hàng VLXD&TMNT Hào Hải, ĐC: 74), Quốc lộ 20,Thị trấn Lâm Nghĩa, Huyện Đan Rộng báo giá: DNTN Triều An (SDT: 83633 984 919), Căn hàng VLXD Khánh Hòa T và Bô Mơn (SDT: 0962 779486). Huyện Bảo Lâm báo giá báo tại: Công ty TNHH Hưng Anh (Địa chỉ: số 22, thị trấn Lạc Thông, huyện Bảo Lâm) Huyện Đạ Tẻh báo giá báo tại Cty TNHH Phương Hoàng Mai. Huyện Cát Tiên báo giá tại Công ty TNHH Xây dựng và Lắp tư Hoàng Văn, Tờ địa chỉ 1), thị trấn Cát Tiên		2,040												
		Gạch không nung (8x13x18)cm	viên	Không có thông tin	(8x13x18)cm														1,545	1,705	1,450			
		Gạch không nung (9x19x39)cm	viên	Không có thông tin	(9x19x39)cm															2,450	2,230			
		Gạch không nung (19x19x39)cm	viên	Không có thông tin	(19x19x39)cm															9,185	7,900			
		Gạch không nung (20x20x40)cm	viên	Không có thông tin	(20x20x40)cm																13,600			
																				15,902				
IV	BÁ XÂY DỰNG																							
		Dá chế	viên	Không có thông tin	KT (15x20x25)cm							7,500	6,800	8,500	8,500	6,500	5,500	4,000	3,900	3,900				
		Dá 0x4	m²	Không có thông tin	KT (0x4)cm									400,000	400,000	310,000	300,000	310,000	310,000					
		Dá mi sàng 0,5x1	m³	Không có thông tin	KT (0,5x1)cm																			
		Dá hộc (Loka)	m³	Không có thông tin											400,000		400,000	320,000						
		Dá 1x2 cm	m²	Không có thông tin	KT (1x2)cm							580,000	500,000	470,000	550,000	470,000	500,000	450,000	400,000	495,000	580,000			
		Dá 2x4 cm	m²	Không có thông tin	KT (2x4)cm									470,000		470,000		310,000	350,000					

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	GHI CHÚ	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*											
											Dà Lạt	Lạc Dương	Bên Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đạm Rông	Đi Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Dự bonai	Dự Tềh	Cát Tân
		Dà 4x6 cm	m ²	Không có thông tin	KT (4x6)cm					Hà Tĩnh, DC 142, Quốc lộ 19, TP. Hà Tĩnh, Nghệ An Huyện Đức Bình sản phẩm DNCTN Truân An (SĐT 028 22 966 999), Cao hàng VLXD Khanh Hòa 1 cũ 80 Mực (SĐT 1992) TP. Hà Tĩnh: Huyện Đức Bình sản phẩm từ Đai lý VLXD Đức Thành số 198, đường Hùng Vương, xã Đức phố 17, thị trấn Đức Linh, thành phố Bảo Lộc, sản phẩm Công Ty TNHH Thương Mại Xây Dựng - V-T-VL, Thái Lan, địa chỉ 817 Trần Phú, Phường B'Lau, TP. Bảo Lộc, Công ty TNHH Thành Phát (SĐT 026 22 22 22 22, địa chỉ 155 Trần Phú, TP. Bảo Lộc) Lâm Sơn, TP. Bảo Lộc Huyện Đức Bình sản phẩm từ Cao hàng Truân An, thôn 1 xã M'Đa, huyện Cát Tiên sản phẩm tại Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Hoàng Yên, xã Đức phố 17, thị trấn Cát Tiên		550,000	400,000	400,000		380,000	420,000	400,000	350,000	350,000	440,000	470,000
		Dà 5x7 cm	m ²	Không có thông tin	KT (5x7)cm							570,000	400,000	400,000		580,000	400,000	400,000	360,000	360,000		
	Cát bê tông cho bê tông và vữa																					
		Sỏi dăm 0,5 x 1cm	m ³	Không có thông tin	KT (0,5 x 1)cm																400,000	
		Sỏi dăm 0,5 x 2cm	m ³	Không có thông tin	KT (0,5 x 2)cm																400,000	
		Sỏi dăm 0,4 x 4cm	m ³	Không có thông tin	KT (0,4 x 4)cm																400,000	
V	THÉP XÂY DỰNG																					
	Thép Việt Nhật																					
		Thép cuộn Ø6	kg	TCVN 1654-1:2008	Ø6 mm CB240T								16,900				17,000		18,300	15,500	18,500	20,000
		Thép cuộn Ø8	kg	m	Ø8 mm CB240T								16,900				17,000		18,300	15,500	18,500	20,000
		Thép cây vằn Ø10	cây	m	Ø10 mm CB240T						132,000	131,000	119,000				115,000	120,000	120,500	100,000	122,000	132,000
		Thép cây vằn Ø12	cây	m	Ø12 mm CB 400V - SD390						182,000	180,100	171,000				171,000	171,000	172,000	157,000	173,000	182,000
		Thép cây vằn Ø14	cây	m	Ø14 mm CB 400V - SD390						251,000	245,300	230,000				230,000	231,000	233,000	216,000	229,000	243,000
		Thép cây vằn Ø16	cây	m	Ø16 mm CB 400V - SD390						325,000	324,100	301,000				320,000	303,500	304,000	274,000	304,000	314,000
		Thép cây vằn Ø18	cây	m	Ø18 mm CB 400V - SD390						405,000	395,500	380,000				380,000	383,000	385,000	348,000	389,000	398,000
		Thép cây vằn Ø20	cây	m	Ø20 mm CB 400V - SD390						498,000	490,700	466,000				600,000	474,000	477,000	428,000		
		Thép cây vằn Ø22	cây	m	Ø22 mm CB 400V - SD390							578,700	565,000					570,000	509,058			
		Thép cây vằn Ø25	cây	m	Ø25 mm CB 400V - SD390													747,500				
	Thép POMINA																					
		Thép cuộn Ø6	kg	TCVN 1654-1:2008	Ø6 mm CB240T						17,500	17,000	16,500	17,000		19,500	16,500	16,850				
		Thép cuộn Ø8	kg	m	Ø8 mm CB240T						17,500	17,000	16,500	17,000		19,500	16,500	16,850				

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	GHI CHÚ	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*											
											Đà Lạt	Lạc Dương	Đen Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đan Răng	Di Linh	Bảo Lộc	Bao Lâm	Dạ hươt	Dạ Tẻh	Cát Tiên
		Thép cây vân Ø10	cây	m	Ø10 mm CB 400V - SD390		Việt Nam			TP Đà Lạt bán giá tại các cửa hàng: VLXD Thanh Tín, địa chỉ: 218 Hẻm Ba Trưng, quận Đạ Núi (Đạ Núi), Công Ty TNHH Phúc An, địa chỉ: 100/2 Tr. Phan. phường 11, địa chỉ: 0917014479	123,000	122,000	108,000	110,000		115,000	108,000					
		Thép cây vân Ø12	cây	m	Ø12 mm CB 400V - SD390				Lạc Dương: giao tại công trình, trong phạm vi < 10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện.	Huyện Lạc Dương bán giá tại các cửa hàng trung tâm huyện: Cửa hàng VLXD Minh Chung, số 52 Lang Vương thị trấn Lạc Dương, Công ty TNHH TM-DV Thăng Minh số 16 Bàu, địa chỉ Lạc Dương, Công ty TNHH VLXD Đa Thành Hưng, địa chỉ: 0917014479	175,000	172,000	166,000	170,000		180,000	166,000					
		Thép cây vân Ø14	cây	m	Ø14 mm CB 400V - SD390				Lạc Dương: giao tại công trình, trong phạm vi < 10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện.	Huyện Lạc Dương bán giá tại các cửa hàng trung tâm huyện: Cửa hàng VLXD Minh Chung, số 52 Lang Vương thị trấn Lạc Dương, Công ty TNHH TM-DV Thăng Minh số 16 Bàu, địa chỉ Lạc Dương, Công ty TNHH VLXD Đa Thành Hưng, địa chỉ: 0917014479	240,000	236,000	224,000	220,000		257,000	224,000					
		Thép cây vân Ø16	cây	m	Ø16 mm CB 400V - SD390				Đen Dương: giao tại công trình, trong phạm vi < 10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện.	Huyện Đan Dương bán giá: DNTH Triều An (SDT: 02022 984 919), Cửa hàng VLXD Khanh thôn 1 số Rô Men (SDT: 0902 779496).	312,000	309,000	292,000	280,000		322,000	292,000					
		Thép cây vân Ø18	cây	m	Ø18 mm CB 400V - SD390				Đi Linh: giao tại công trình, trong phạm vi < 10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện.	Huyện Di Linh bán giá tại Đại lý VLXD Duy Thanh số 090, đường Hùng Vương, số Dân phố 15, thị trấn Di Linh.	394,000	391,000	360,000	360,000		425,000	360,000					
		Thép cây vân Ø20	cây	m	Ø20 mm CB 400V - SD390					Thành phố Bảo Lộc: bán giá tại Công Ty TNHH Thương Mại Xây Dựng - V-T-Vũ Thái, địa chỉ: 815 Triều Phú, Phường H'Lan, TP Bảo Lộc, Công ty TNHH Thái Lạc Phương địa chỉ: 555 Triều Phú, phường Lạc Sơn, TP Bảo Lộc.	482,000	482,000	454,000	440,000		515,000	454,000					
		Thép cây vân Ø22	cây	m	Ø22 mm CB 400V - SD390					Huyện B'ho bán giá tại các cửa hàng trung tâm huyện: Cửa hàng VLXD Minh Chung, số 52 Lang Vương thị trấn Lạc Dương, Công ty TNHH TM-DV Thăng Minh số 16 Bàu, địa chỉ Lạc Dương, Công ty TNHH VLXD Đa Thành Hưng, địa chỉ: 0917014479		605,000	533,000	530,000		620,000	533,000					
VI	GỖ XÂY DỰNG																					
		Gỗ xẻ làm cột - pha nhóm VII - VIII	m3	Không có thông tin			Việt Nam			Huyện Lạc Dương bán giá tại các cửa hàng trung tâm huyện: Cửa hàng VLXD Minh Chung, số 52 Lang Vương thị trấn Lạc Dương, Công ty TNHH TM-DV Thăng Minh số 16 Bàu, địa chỉ Lạc Dương, Công ty TNHH VLXD Đa Thành Hưng, địa chỉ: 0917014479		6,500,000	5,900,000	6,500,000		5,600,000	5,900,000	6,500,000	6,000,000	6,000,000	4,600,000	
		Gỗ xẻ làm cầu kiện - trung trí nội thất nhóm 4	m3	Không có thông tin					Đen Dương: giao tại công trình, trong phạm vi < 10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện.	Huyện Đan Dương bán giá: DNTH Triều An (SDT: 02022 984 919), Cửa hàng VLXD Khanh thôn 1 số Rô Men (SDT: 0902 779496).		6,500,000	6,600,000	7,000,000		6,400,000	6,000,000	6,000,000				
		Gỗ xẻ làm cầu kiện - trung trí nội thất nhóm 3	m3	Không có thông tin					Đi Linh: giao tại công trình, trong phạm vi < 10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện.	Thành phố Bảo Lộc: bán giá tại Công Ty TNHH Thương Mại Xây Dựng - V-T-Vũ Thái, địa chỉ: 815 Triều Phú, Phường H'Lan, TP Bảo Lộc, Công ty TNHH Thái Lạc Phương địa chỉ: 555 Triều Phú, phường Lạc Sơn, TP Bảo Lộc.			9,200,000	7,000,000		9,200,000	8,700,000					

BẢO GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRONG TỈNH CÔNG BỐ THÁNG 3/2024
(Kèm theo Văn bản số: 491/CBG-SXD ngày 03 tháng 03 năm 2024 của Sở Xây dựng Lâm Đồng)



Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]
1	GẠCH XÂY										
1	Gạch tuynen										
1.1	Gạch Tuynel Hiệp Thành										
		Gạch 6 lỗ	viên	QCVN 16:2019/BXD	KT (7,5x11x24)cm	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho bên bán: Nhà máy Gạch Hiệp Thành: 14 Hiệp Thành, xã Tam Bó, huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng	Theo Công văn số 02/2024/CV-Cty ngày 25/01/2024 của Cty Cổ phần Khoáng sản & Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.	2,386
		Gạch góc 21 lỗ	viên		KT (7,5x11x24)cm						3,432
		Gạch 6 lỗ A	viên		KT (5x11x17,5)cm						1,636
		Gạch 6 lỗ B	viên		KT (7,5x11x17,5)cm						1,391
		Gạch 6 lỗ MA	viên		KT (7x 10x17)cm						1,474
		Gạch 4 lỗ A	viên		KT (7,5x 7,5 x17,5)cm						1,145
		Gạch 4 lỗ B	viên		KT (7,5x 7,5 x17,5)cm						973
		Gạch thò 2 lỗ tròn	viên		KT (7,5x4x17,5)cm						925
	Gạch Tuynel Thành Mỹ										
		Gạch ống 6 lỗ tròn	viên	QCVN 16:2019/BXD	KT (7x 10x17)cm	Công ty CP KS và VLXD Lâm Đồng	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho bên bán: Xi nghiệp gạch ngói Tuynel Thành Mỹ, đường Trần Bình Trọng, huyện Đơn Dương, Tỉnh Lâm Đồng.	Theo Công văn số 02/2024/CV-Cty ngày 25/01/2024 của Cty Cổ phần Khoáng sản & Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.	1,409
		Gạch ống 2 lỗ tròn	viên		KT (7,5x4x17,5)cm						1,009

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
2	Gạch terazo										
Sản phẩm của Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Xây dựng An Lộc											
		Gạch Terazo	m2	TCVN 7744:2013	KT (300x300x30)mm	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Xây dựng An Lộc	Việt Nam			Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại Chi nhánh- Thôn 1 xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.	86,000
		Gạch Terazo	m2		KT (400x400x30)mm						78,000
3	Gạch terazo, gạch block										
Sản phẩm của Công ty cổ phần DCN Sài Gòn											
3.1	GẠCH TERRAZZO SÂN, ĐƯỜNG, VÍA HẸ.(CÔNG NGHỆ RUNG ÉP THỦY LỰC)										
		Gạch Terrazzo đá mài dày 3cm	m2	QCVN 16:2019/BXD	(400x400x30)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam				85,000
3.2	GẠCH CORIC MÀU, BÔNG, MÀC CAO (CÔNG NGHỆ RUNG UỐT TRONG KHUÔN NHỰA)										
		Gạch Coric bông, mác 250	m2	QCVN 16:2019/BXD	Dày 3cm (Quy cách theo yêu cầu)						150,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch Ceramic bóng, màu 200	m ²	QCVN 16:2019/BXD	Dày 4cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá tại Xưởng sản xuất (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng) chưa bao gồm phí vận chuyển + bốc dỡ	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính số 28/14, đường 800A, P. Nguyễn Đỗ, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp. Đà Lạt	165,000
		Gạch Ceramic bóng, màu 200	m ²		Dày 5cm (Quy cách theo yêu cầu)						180,000
		Gạch Ceramic bóng, màu 200, dày 6cm	m ²		Dày 6cm (Quy cách theo yêu cầu)						195,000
		Gạch Ceramic bóng, màu 200	m ²		Dày 8cm (Quy cách theo yêu cầu)						215,000
		Gạch Ceramic bóng, màu 200	m ²		Dày 10cm (Quy cách theo yêu cầu)						245,000
		Gạch Ceramic số 8, bóng, khuôn nhẵn, màu 200	m ²		Dày 8 cm (260x390x80)						21,000
		Gạch vân gỗ, vân sồi, bọt nước màu 250	m ²		Dày 4cm (220x600x40, lục giác 400)						35,000
		Gạch vân gỗ ốp tường, bậc bước cầu thang, lát đường, M300, dày 4cm, gia cố sợi carbon Fiber (250x900x40)	m ²		Dày 4cm, gia cố sợi carbon Fiber (250x900x40)						75,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch bê tông lát mái kê, M200	m ²	QCVN 16:2019/BXD	Dày 5cm, M200 (chưa tính rêu thép liên kết góc) (400x400x50)						35,000
3.3	GẠCH BLOCK XÂY DỰNG, GIA CÔNG, LÁT MÁI...(CÔNG NGHỆ RUNG ÉP THỦY LỰC)										
		Gạch Block số 8 kép, 8 lỗ, nhám	viên	QCVN 16:2019/BXD	260x390x80	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá tại Xưởng sản xuất (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng) chưa bao gồm phí vận chuyển + bốc dỡ	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A.P.Nghĩa Đô, Q Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7.Tp Đà Lạt	12,000
		Gạch Block 2,3 lỗ, mác 75	viên		(dày 9cm) 90x190x390						5,500
		Gạch Block 2,3 lỗ, mác 75	viên		(dày 19cm) 190x190x390						11,000
		Gạch Block đặc (Gạch, đinh, thò M75)	viên		40x80x180						1,300
		Gạch Block 6 lỗ, mác 75	viên		80x120x180						1,700
		Gạch Block 4 lỗ, mác 75	viên		80x80x180						1,500
		Gạch Block 2 lỗ, mác 75	viên		100x150x2500						3,500
		Gạch lục giác lát mái dể, kê, gia cố taluy (Block nhám, mác 75)			dày 8cm						12,000
II	ĐÁ XÂY DỰNG CÁC LOẠI										
1	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá Lạc Lâm, huyện Lạc Dương										
		Đá Loka	m ³	QCVN 16:2019/BXD	Đá Loka	Công ty TNHH Hưng Nguyên	Việt Nam		Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm huyện Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển	Theo báo giá của Công ty TNHH Hưng Nguyên ngày 28/12/2023 (địa chỉ: 86 Nguyễn Đình Chiểu, P9, Tp Đà Lạt, ĐT: 02633.824.063	300,000
		Đá 1x2	m ³		(1x2)cm						190,000
		Đá 2x4	m ³		(2x4)cm						370,000
		Đá 0x4 qua Cốt	m ³		Đá 0x4 qua Cốt						360,000
		Đá 4x6	m ³		(4x6)cm						330,000
		Đá 5x7	m ³		(5x7)cm						330,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
2	Sàn phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã Gia Hiệp, huyện Di Linh										
		Đá 0x2,5 (cm)	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(0 - 2,5) cm	Công ty TNHH Khai thác Xây dựng Lộc Đại Phát	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng; tại mỏ đá thôn 3, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh Tỉnh Lâm Đồng	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 01/3/2024 của Công ty TNHH Khai thác Xây dựng Lộc Đại Phát Địa chỉ Thôn 3, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng. ĐT: 0942 891115.	336,364
		Đá 0x 3,75 (cm)	m ³		(0,5 - 3,75) cm						309,091
		Đá 1x2 (cm)	m ³		(1 - 2) cm						363,636
		Đá 2x4 (cm)	m ³		(2 - 4) cm						363,636
		Đá 5x7 (cm)	m ³		(5 - 7) cm						281,818
		Đá 0x4 (cm)	m ³		(0,5 - 4) cm						281,818
		Mì Bọt	m ³		(0 - 0,5) cm						281,818
		Mì Sàng	m ³		(0,5 - 1) cm						281,818
3	Sàn phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm										
		Đá 1x2 (cm)	m ³		(1x2)cm	Công ty TNHH Khai thác đá Thái Sơn	Việt Nam				340,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đá (h4 (cm)	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(0x4)cm	Công ty TNHH Khai thác đá Thái Sơn	Việt Nam		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ đá thôn 10B, xã Lộc Thịnh, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.	Theo bảng công bố giá vật liệu xây dựng tháng 3 năm 2024 ngày 01/3/2024 của Công ty TNHH Khai thác đá Thái Sơn. Địa chỉ thôn 10B, xã Lộc Thịnh, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, số ĐT 0986.092.279.	250,000
		Đá mi	m ³		Đá mi						250,000
		Đá local	m ³		Đá local						200,000
4	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng										
		Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Xây dựng Tân Thái	Việt Nam		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ đá thôn Gân Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Xây dựng Tân Thái. Địa chỉ: Mỏ đá thôn Gân Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, ĐT. 0913 934 305	336,364
		Đá 0x4	m ³		(0x4)						281,818
		Đá 2x4	m ³		(2x4)						318,182
		Đá 0x37,5	m ³		(0x37,5)						281,818
		Đá 0x2,5	m ³		(0x2,5)						309,091
		Đá 0,5 x 1 cm	m ³		(0,5 x 1)						254,545
		Đá 4x6	m ³		(4x6)						281,818
		Đá 5x7	m ³		(5x7)						281,818
		Đá mi	m ³		Đá mi						236,364
		Đá local	m ³		Đá local						254,545
5	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm.										
		Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Bảy Tài					327,273

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Dà 0x4	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(0x4)	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Bảy Tài	Việt Nam		Giá tại mỏ được xúc lên xe cho bên mua tại địa chỉ: Thôn 13, Xã Lộc Ngãi, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng (cách ngã ba Tân Lâm 2km, cách UBND Huyện Di Linh 22km, UBND Huyện Bảo Lâm 20km)	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Bảy Tài. Địa chỉ: Thôn 13, Xã Lộc Ngãi, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0979404805, liên hệ: Anh Duy.	236,364
		Dà 4x6	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(4x6)						272,727
6	Sản phẩm đã xây dựng tại mỏ đá thôn Đoàn Kết, xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng										
		Dà 1x1,5 (cm)	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x1,5) cm	Công ty TNHH Dương Phát	Việt Nam		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ thôn Đoàn Kết, xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 03/01/2024 của Công ty TNHH Dương Phát (Đ/c: 06B Nguyễn Đình Quân, P5, tp. Đà Lạt, Lâm Đồng.	390,909
		Dà 1x1,8 (cm)	m ³		(1x1,8) cm						390,909
		Dà 1x1,9 (cm)	m ³		(1x1,9) cm						390,909
		Dà 1x2 (cm)	m ³		(1x2) cm						363,636
		Dà 2x4 (cm)	m ³		(2x4) cm						345,455
		Dà 0x2,5 (cm)	m ³		(0x2,5) cm						336,364
		Dà 0x4 (cm)	m ³		(0x4) cm						309,091
		Dà 0x6 (cm)	m ³		(0x6) cm						309,091
		Dà mi sàng (0,5x1)	m ³		(0,5x1)						281,818
		Dà mi bụi	m ³		Dà mi bụi						263,636
		Dà Loka	m ³		Dà Loka						281,818
7	Sản phẩm đã xây dựng tại mỏ đá Phường 7, thành phố Đà Lạt										
		Dà xô bộ (10cm x 50cm)	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(10cm x 50cm)	Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	Việt Nam		Giá bán tại mỏ đá P7 Thành phố Đà Lạt	Theo công văn số 02/2024/CV-Cty v/v báo giá sản phẩm ngày 25/01/2024 của Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt (Đ/c: 25 Trần Phú, P3, TP. Đà Lạt, Đ.T 02633.822243	150,000
		Dà 1cm x 2cm	m ³		(1cm x 2cm)						373,000
		Bộ đá	m ³		Bộ đá						209,000
		Dà 0cm x 4cm	m ³		(0cm x 4cm)						309,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
8	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã Liềng Srênh, huyện Đam Rông.										
		Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Ngọc Bình	Việt Nam		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ khai thác: Thôn 2, xã Liềng Srênh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.	Theo bảng đơn giá các loại sản phẩm ngày 27/12/2023 của Công ty TNHH Ngọc Bình (Đ/c: Thôn 2, xã Liềng Srênh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng), ĐT: 0585 809.999.	381,818
		Đá 0x4	m ³		(0x4)						327,273
		Đá 0x25	m ³		(0x25)						345,455
		Đá 4x6	m ³		(4x6)						290,909
9	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng										
		Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Quốc Định	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại xã N'Thôn Hạ, Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 28/12/2024 của Công ty TNHH Quốc Định (Đ/c.h: số 515, QL20, KP 4, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng).	318,182
		Đá 0x4	m ³		(0x4)						263,636
		Đá 0x37,5	m ³		(0x37,5)						254,545
		Đá 0x25	m ³		(0x25)						290,909
		Đá Local	m ³		Đá Local						245,455
10	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá thôn 5, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc										
10.1	Đá xây dựng thông thường										
		Đá dăm 1x1,6	m ³		(1x1,6)						345,455
		Đá dăm 1x1,9	m ³		(1x1,9)						345,455
		Đá dăm 1x2	m ³		(1x2)						327,273
		Đá dăm 2x4	m ³		(2x4)						272,727

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đá dăm 4x6 và 5x7	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(4x6) và (5x7)	Công ty Cổ phần Tân Anh Tú	Việt Nam		Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT và chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá Thôn 5, Xã Đại Lào, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.	Theo báo giá số 01/BGNP ngày 01/11/2023 của Công ty Cổ phần Tân Anh Tú. Địa chỉ kho: Thôn 5, Xã Đại Lào, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại liên hệ: 0913.766.672.	236,364
		Đá dăm Dmax 25	m ³		Dmax 25						254,545
		Đá dăm Dmax 35	m ³		Dmax 35						245,455
		Đá dăm Dmax 37,5	m ³		Dmax 37,5						236,364
		Đá dăm 0x4	m ³		(0x4)						227,273
		Đá mi sàng	m ³		Đá mi sàng						254,545
		Đá mi xô	m ³		Đá mi xô						209,091
10.2	Đá qua cỡ ly tâm										
		Đá dăm 1x1,6	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x1,6)						390,909
		Đá dăm 1x1,9	m ³		(1x1,9)						390,909
		Đá dăm 10x22	m ³		(10x22)						372,727
		Đá mi sàng	m ³		Đá mi sàng						309,091
11	Sản phẩm đá xây dựng tại Thôn 5, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc										
		Đá dăm 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp Lâm Đồng	Việt Nam		Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT và chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá Thôn 5, Xã Đại Lào, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.	Theo báo giá số 11/TB-DN ngày 01/11/2023 của Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp Lâm Đồng. Địa chỉ: Thôn 5, Xã Đại Lào, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. ĐT: 036232.242, 114.	318,182
		Đá dăm 2x4	m ³	nt	(2x4)						254,545
		Đá dăm cấp phối 0,1x4	m ³	nt	(0,1x4)						218,182
		Đá dăm cấp phối 0,1x2,5	m ³	nt	(0,1x2,5)						240,909
		Đá dăm 4x7	m ³	nt	(4x7)						227,272
		Đá loca	m ³	nt	Đá loca						200,000
III	CÁY XÂY DỰNG										
I	Sản phẩm của Công ty TNHH Hưng Nguyên tại mỏ đá Lạc Lâm, huyện Đơn Dương										

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cát nhân tạo (nghiên qua Cof)	m ³	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Hưng Nguyên	Việt Nam		Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm huyện Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển	Theo báo giá vật liệu ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Hưng Nguyên. Địa chỉ số 86 Nguyễn Đình Chiểu, P9, Tp Đà Lạt.ĐT: 02633.824.063	530,000
2	Sản phẩm của Công ty TNHH Sáng tạo và Phát triển DH										
		Cát bê tông	m ³	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Sáng tạo và Phát triển DH	Việt Nam		Đơn giá giao tại chân công trình (Trong địa bàn huyện Đa Tịch <= 10km)	Theo báo giá vật liệu xây dựng ngày 01/11/2023 của Công ty TNHH Sáng tạo và Phát triển DH, địa chỉ: thôn 5, xã Đa Khoa, huyện Đa Tịch, số ĐT: 0948398398	355,000
		Cát xây	m ³								355,000
3	Sản phẩm của Công ty TNHH Khánh Luân Gia										
		Cát tự nhiên	m ³	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Khánh Luân Gia	Việt Nam		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại xã Đa Đơn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.	Theo thông báo giá ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Khánh Luân Gia, địa chỉ: Thôn An Phước, xã Đa Đơn, Lâm Hà, Lâm Đồng.	345,454
4	Sản phẩm cát tại mỏ cát lòng suối Đák Heur, xã Lát huyện Lạc Dương										

STT	Nhiệm vụ vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa	m ³	QCVN 16:2019/BXD		Hộ Kinh doanh Nguyễn Thị Dung	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc vác lên phương tiện của khách hàng tại mỏ cát lòng suối Đắk Hưư thuộc xã Lát và xã Đưng K'Nô, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	Theo Thông báo giá vật liệu xây dựng của Hộ Kinh doanh Nguyễn Thị Dung, địa chỉ: Thôn Lán Tranh, xã Đưng K'Nô, Lạc Dương, Lâm Đồng, ĐT: 0377.806.680.	245,000
5	Sản phẩm cát tại mỏ khai thác sông Ea Krông nô, xã Đạ R'Sai, huyện Đam Rông										
		Cát xây	m ³	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Tuấn Vương 68	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ khai thác: sông Ea Krông Nô, xã Đạ R'Sai, huyện Đam Rông	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 01/3/2024 của Công ty TNHH Tuấn Vương 68. Địa chỉ: số 72 QL 27, thôn Phi Có, xã Đạ R'Sai, Đam Rông, Lâm Đồng, ĐT 0943.256.999	245,000
		Cát tô	m ³								280,000
		Cát sỏi	m ³								170,000
6	Sản phẩm cát khai thác tại lòng hồ Đạ Tẻh, xã Mỹ Đức.										
		Cát xây	m ³	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Phương Hùng	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại lòng hồ Đạ Tẻh xã Mỹ Đức, chưa bao gồm chi phí vận chuyển tới chân công trình	Theo bảng báo giá vật liệu ngày 27/01/2024 của Công ty TNHH Phương Hùng. Địa chỉ: thôn 4, Xã Đa Kho, huyện Đa Tịch, điện thoại 02 633 800294	245,000
3	Sản phẩm cát khai thác tại mỏ cát lòng sông Đạ Quay, thôn 11, xã Đa Kho, huyện Đa Tịch										
		Sỏi dăm 5x20mm	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(5x20)mm	Công ty TNHH Sáng tạo và Phát triển DH	Việt Nam		Đơn giá giao tại chân công trình (Trong địa bàn huyện Đạ Tẻh <=> 10km)	Theo Bảng báo giá vật liệu xây dựng ngày 01/11/2024 của Công ty TNHH Sáng tạo và Phát triển DH, địa chỉ: thôn 3, xã Đa Kho, huyện	400,000
		Sỏi dăm 5x10mm	m ³		(5x10)mm						400,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*	
		Sợi dăm 10x40mm	m ³		(10x40)mm					Dạ Tịch, số ĐT: 0948398398	400,000	
IV	BÊ TÔNG NHỰA ĐƯỜNG											
1	Sản phẩm của Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng											
1.1	Trạm trộn Tam Bồ - Di Linh					Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng	Việt Nam		Đơn giá tại mỏ đá Hùng Vương, thôn Hiệp Thành 2, xã Tam Bồ, Di Linh, Lâm Đồng. Đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến chân công trình	Theo bảng báo giá ngày 27/12/2023 của Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng. Điện thoại: 0919.706.065.		
		Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn	Không có thông tin							1,565,000	
		Bê tông nhựa nóng hạt mịn C12.5	đồng/tấn	Không có thông tin				1,610,000				
1.2	Trạm trộn Tân Hà - Lâm Hà					Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng	Việt Nam					
		Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn	Không có thông tin					1,615,000			
		Bê tông nhựa nóng hạt mịn C12.5	đồng/tấn	Không có thông tin					1,660,000			
3.	Trạm trộn Liêng Sơnh-Dum Rông											
		Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn	Không có thông tin					1,665,000			
		Bê tông nhựa nóng hạt mịn C12.5	đồng/tấn	Không có thông tin					1,710,000			
V	BÊ TÔNG THƯỜNG PHẨM											
	Sản phẩm của Công ty CP Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Lâm Đồng											

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
1.1	Khu vực Đà Lạt và Huyện Lạc Dương										
		Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)		Công ty CP Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn Cam Ly (đường Nguyễn Đình Quên-Phường 5-Tp Đà Lạt) đến công trình trong bán kính 10 km.	Theo công văn báo giá số 02/2024/CV-Cty ngày 25/01/2024 của Công ty CP Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Lâm Đồng. Địa chỉ: 87 Phú Đồng Thiên Vương-Phường 8 Tp Đà Lạt Điện thoại: 0918 012 778-02633 525 888.	1,463,636
		Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,509,091
		Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,554,545
		Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,600,000
		Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,654,545
		Bê tông M350-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,745,455
		Bê tông M400-R28 đá 1x2 độ sụt: 16±2cm	đ/m ³								1,854,545
1.2	Khu vực Huyện và thành phố Bảo Lộc										
		Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)		Công ty CP Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn gần nhất (Trạm trộn Tây Đại Láo...) đến công trình trong bán kính 10km	Địa bàn áp dụng: Bảo Lộc, Bảo Lâm, Du Lịch, Cát Tiên, Đa Huoai	1,227,273
		Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,272,727
		Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,318,182
		Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,363,636
		Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,427,273
		Bê tông M350-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,540,909
1.3	Khu vực huyện Đức Trọng, Di Linh, N'Thôn Hẹ										
		Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)		Công ty CP Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng	n		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn gần nhất (Trạm Hiệp An, Trạm N'Thol Ha, Trạm Tam Bô...) đến công trình trong bán kính 10km	Địa bàn áp dụng: Đức Trọng, Đơn Dương, Đơn Rông, Di Linh, Lâm Hà	1,227,273
		Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,272,727
		Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,318,182
		Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,363,636
		Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,427,273

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Bê tông M350-R28 đã 1x2 độ sụt: 10±2cm	d/m3								1,540,909
VI CẦU KIẾN BÊ TÔNG ĐÚC SÀN											
1	Sản phẩm của Công ty TNHH Hưng Nguyên										
		Ông công ty tấm									
		Ông công Ø 800 dày 80mm-VH, L=3m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH Hưng Nguyên	Việt Nam	Giá bán tại mô đa Lạc Lâm, Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển	Theo bảng giá vật liệu ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Hưng Nguyên, địa chỉ: 86 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 9, Tp Đà Lạt, điện thoại: 02633.824.063.	1,440,000	
		Ông công Ø 800 dày 80mm-H10, L=3m	mét							1,580,000	
		Ông công Ø 800 dày 80mm-H30, L=3m	mét							1,690,000	
		Ông công Ø 1000 dày 90mm-VH, L=3m	mét							2,030,000	
		Ông công Ø 1000 dày 90mm-H10, L=3m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH Hưng Nguyên	Việt Nam				2,170,000
		Ông công Ø 1000 dày 90mm-H30, L=3m	mét							2,280,000	
		Ông công Ø 1200 dày 120mm-VH, L=3m	mét							2,910,000	
		Ông công Ø 1200 dày 120mm-H10, L=3m	mét							3,190,000	
		Ông công Ø 1200 dày 120mm-H30, L=3m	mét	TCVN 9113:2012							3,400,000
		Ông công Ø 1500 dày 130mm-VH L=2,5m	mét							4,300,000	
		Ông công Ø 1500 dày 130mm-H10, L=2,5m	mét							4,650,000	
		Ông công Ø 1500 dày 130mm-H30, L=2,5m	mét							4,850,000	
2	Sản phẩm của Công ty Cổ phần các kiện Bê tông Quốc Vương										

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*	
		Công rung ép										
		Ông công BT rung ép Ø400 - VH, L=2,6m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương	Việt Nam		Đơn giá tại xưởng SX1 Đức Trọng, Lâm Đồng (chưa bao gồm vận chuyển, chi phí cầu lên xe)	Theo công văn số 270224/SXD-KTXD ngày 27/02/2024 của Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương, địa chỉ: số 517 Hùng Vương, Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Xưởng sản xuất 1: Thôn Phú Bình, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Xưởng sản xuất 2: CN11 Khu công nghiệp Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, điện thoại: 02633.994.995 hoặc 0903 195 165.	413,000	
		Ông công BT rung ép Ø400 - H10, L=2,6m	mét								425,000	
		Ông công BT rung ép Ø400 - H10, L=2,6m	mét								435,000	
		Ông công BT rung ép Ø600 VH, L=3m	mét								630,000	
		Ông công BT rung ép Ø600 - H10, L=3m	mét								655,000	
		Ông công BT rung ép Ø600 - H30, L=3m	mét									700,000
		Ông công BT rung ép Ø800 - VH, L=3m	mét									980,000
		Ông công BT rung ép Ø800 - H10, L=3m	mét									1,040,000
		Ông công BT rung ép Ø800 - H30, L=3m	mét									1,080,000
		Ông công BT rung ép Ø1000 - VH, L=3m	mét									1,465,000
		Ông công BT rung ép Ø1000 - H10, L=3m	mét									1,565,000
		Ông công BT rung ép Ø1000 - H30, L=3m	mét									1,595,000
		Ông công BT rung ép Ø1200 - VH, L=2m	mét									2,310,000
		Ông công BT rung ép Ø1200 - H10, L=2m	mét									2,435,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Ông công BT rung ép Ø1200 - H30, L=2m	mét	TCVN 9113:2012							2,490,000
		Ông công BT rung ép Ø1500 - H30, L=2m	mét								3,010,000
		Ông công BT rung ép Ø1500 - H10, L=2m	mét								3,380,000
		Ông công BT rung ép Ø1500 - H30, L=2m	mét								3,430,000
		Công ly tâm									
		Ông công BT ly tâm Ø600 - H10, L=4m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương	Việt Nam		Đơn giá tại xưởng SX2: Thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng (chưa bao gồm vận chuyển, chi phí cầu lên xe)		700,000
		Ông công BT ly tâm Ø600 - H30, L=4m	mét								750,000
		Ông công BT ly tâm Ø800 - H10, L=4m	mét								1,140,000
		Ông công BT ly tâm Ø800 - H30, L=4m	mét			Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương	Việt Nam				1,170,000
		Ông công BT ly tâm Ø1000 - H10, L=4m	mét								1,610,000
		Ông công BT ly tâm Ø1000 - H30, L=4m	mét								1,650,000
		Gối công và Joint cao su									
		Gối công D400	Cái	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc	Việt Nam		Đơn giá tại xưởng (chưa bao gồm vận chuyển, chi	Theo công văn số 270224/SXD-KTXD ngày 27/02/2024 của Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương, địa chỉ: số 517 Hùng Vương, Thị trấn Địch Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Xưởng sản xuất 1- Thôn Phú Ninh xã Phú	140,000
		Gối công D600	Cái								200,000
		Gối công D800	Cái								262,000
		Gối công D1000	Cái								370,000
		Gối công D1200	Cái								500,000
		Gối công D1500	Cái								615,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Joint công D400	Sợi			Vương			phí cầu lên xe)	Hộc, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, Xưởng sản xuất 2-CN11 Khu công nghiệp Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, điện thoại: 02633.994.995 hoặc 0903.195.165.	45,000
		Joint công D600	Sợi								60,000
		Joint công D800	Sợi								70,000
		Joint công D1000	Sợi								90,000
		Joint công D1200	Sợi								130,000
		Joint công D1500	Sợi								135,000

17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

BẢO GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SXKD VÀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CỦA NHÀ SXKD NGOÀI TỈNH THÁNG 3 NĂM 2024
(Kèm theo Văn bản số: 491 /CBG-SXD ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Sở Xây dựng Lâm Đồng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Nguồn gốc	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]
1	XI MĂNG										
1		Sản phẩm của Chi nhánh Công ty cổ phần xi măng Thăng Long									
		XM Thăng Long nhãn hiệu Rồng Đỏ	Bao	QCVN 16:2019 BXD	50kg/bao	Chi nhánh Công ty cổ phần xi măng Thăng Long	Việt Nam		Giá bán lẻ tại các địa phương trong tỉnh Lâm Đồng	Bảo giá số 44/CV/2023/CN-BHMIN/CN-BHMIN ngày 15/12/2023 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long (KCN Hiệp Phước, Long Thới, Nhà Bè Tp HCM ĐT: (08) 3780 0912).Thời gian đăng ký: Quý 1, 2024 (từ ngày 01/01/2024 đến 30/6/2024)	86.304
2		Cty TNHH MTV Xi măng Hà Long									
		Xi măng Vicem Hà Long PCB40 (Dạng bao)	Tấn	QCVN 16:2019/ BXD và TCVN 6260:2020 dành cho PCB50					Giá giao tại nhà máy xi măng Vicem Hà Long (Lô C25, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, TP HCM). Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và các chi phí khác.	Bảo giá số 2493/TB-VCHL-KDĐT ngày 25/12/2023 của Công ty TNHH MTV Xi măng Hà Long (11Bis Nguyễn Gia Thiều P.6,Q.3, Tp HCM Điện thoại: (028) 39301656.Di động: 0938.582.648). Mốc kê khai thuế: hiện từ ngày 01/01/2024 đến khi có thông báo mới.	1.218.182
		Xi măng Vicem Hà Long PCB50 (Dạng rời)	Tấn								1.172.727
3		Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn									
		XM Phốc lừng hỗn hợp PCB40	Bao	QCVN 16:2019 BXD	50kg/bao	Công Ty CP Phát triển Sài Gòn	Việt Nam				78.000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		XM Poóc lăng hỗn hợp bốn sun phát PCB40-MS	Bao	QCVN 16:2019 BXD	50kg/bao	Công Ty CP Phát triển Sài Gòn	Việt Nam	Đơn giá bao gồm chương trình chiết khấu đạt sản lượng với mức tiêu thụ từ 300 tấn đến 35.000 tấn tùy từng thời điểm và từng khách hàng (có thông báo rõ). Hàng chương trình khuyến mãi xi măng tùy từng thời điểm để kích thích tiêu thụ được đăng ký tại các cơ quan nhà nước theo luật định.	Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên và xuống phương tiện vận chuyển đến địa điểm giao hàng trong khu vực TP. số lượng tối thiểu để được vận chuyển 10-50 tấn/ chuyến.(Giá bán tại khu vực Lâm Đồng)	Bảng niêm yết giá theo Công văn số 69/CV-SDC ngày 20/02/2024 của Công Ty CP Phát triển Sài Gòn (Trụ sở chính: 213/13 Nguyễn Gia Trí, P.25, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh.Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 65 đường 12, khu phố Long Sơn P.Long Bình, TP Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh, Liên hệ: Trần Tấn Phát 0909011628). Mục đăng ký giá thực hiện từ ngày 02/01/2024 đến khi có thông báo mới.	80.000
		XM Poóc lăng hỗn hợp PCB50	Bao		50kg/bao						90.000
		XM Poóc lăng xi lô cao- PCb640 loại II	Bao		50kg/bao						80.000
		XM Poóc lăng bốn sun phát PCbcr50 (type V)	Bao		50kg/bao						100.000
		Xi măng Xảy Trát-MC 25	Bao		50kg/bao						74.000
II	GẠCH, ĐÁ ÓP LÁT										

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
1		Sản phẩm của Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME									
		GẠCH LÁT NỀN CÁC LOẠI									
		Gạch Ceramic, nhóm BHH									
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 25x25cm	Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME	Việt Nam			Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME. Địa chỉ: Khu Công nghiệp Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc. Điện thoại liên hệ: VP đại diện miền Nam: Phạm Thu Hiền-0983 199 083. Văn bản số 129/2024/VPĐD ngày 02/01/2024 v/v đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa gạch ốp lát định kỳ tại Sở Xây dựng kèm theo Bảng Niêm yết giá áp dụng từ ngày 02/01/2024 đến 31/12/2024 của Cty.Đại lý phân phối: Công ty TNHH Tâm Thanh Sơn Địa chỉ: số 9A đường Đoàn Thị Điểm, Phường 4 Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: 0908 950589	99,510
		Gạch ceramic mài cạnh, hiệu ứng bề mặt	m ²		KT: 30x30cm						252,520
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²		KT: 30x30cm						101,650
		Gạch Porcelain , nhóm BIIb									
		Gạch porcelain giả gỗ, không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 15x60cm						202,230
		Gạch porcelain không mài cạnh	m ²		KT: 10x30cm						263,220
		Gạch bán sứ mài cạnh	m ²		KT: 50x50cm						160,500
		Gạch Porcelain , nhóm BIIa									
		Gạch porcelain men bóng,mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 60x60cm						242,890
		Gạch porcelain cao cấp men mờ,mài cạnh	m ²		KT: 60x60cm						273,920
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 60x90cm						374,500
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 30x90cm						374,500
		Gạch porcelain men mờ,mài cạnh	m ²		KT: 30x60cm						304,950
		Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh	m ²		KT: 15x90cm						385,200
		Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 15x80cm						315,650
		Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh	m ²		KT: 15x60cm						294,250
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 60x120cm						620,600
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 80x120cm						952,300

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*			
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 80x80cm	Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME	Việt Nam		Giá theo khu vực tỉnh Lâm Đồng	Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME. Địa chỉ: Khu Công nghiệp Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên,Tỉnh Vĩnh Phúc. Điện thoại liên hệ: VP đại diện miền Nam: Phạm Thu Hiền-0983.199.083. Văn bản số 129/2024/VPDD ngày 02/01/2024 v/v đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa gạch ốp lát định kỳ tại Sở Xây dựng kèm theo Bảng Niêm yết giá áp dụng từ ngày 02/01/2024 đến 31/12/2024 của Cty.Đại lý phân phối: Công ty TNHH Tâm Thanh Sơn Địa chỉ: số 9A đường Đoàn Thị Điểm, Phường 4 Thành phố Đà Lạt,Tỉnh Lâm Đồng.Điện thoại: 0908.950589	349,890			
	Gạch Ceramic xương trắng, nhóm BIII													
	Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 30x45cm	133,750									
	Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh	m ²		KT: 40x80cm	273,920									
	Gạch ceramic mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 30x30cm	199,020									
	Gạch ceramic không mài cạnh	m ²		KT: 25x40cm	99,510									
	Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh	m ²		KT: 30x60cm	194,740									
	Gạch Ceramic không mài cạnh, nhóm BIIIb													
	Gạch ceramic không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 40x40cm	98,440									
	Gạch ceramic men bóng,không mài cạnh	m ²		KT: 20x40cm	156,220									
	Gạch ceramic men bóng, khuôn di hình,không mài cạnh	m ²		KT: 20x40cm	211,860									
	Gạch Ceramic mài cạnh, nhóm BIIa													
	Gạch ceramic mài cạnh kỹ thuật số	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 50x50cm	123,050									
	Gạch ceramic mài cạnh	m ²		KT: 50x50cm	112,350									
	Gạch ceramic xương đỏ,mài cạnh	m ²		KT: 60x60cm	141,240									
	Gạch ceramic in KTS,mài cạnh	m ²		KT: 40x40cm	109,140									
	Gạch Ceramic không mài cạnh, nhóm BIIa													
	Gạch ceramic sân vườn, không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 40x40cm	114,490									
	Gạch ceramic không mài cạnh	m ²		KT: 50x50cm	104,860									
	Gạch Ceramic xương đỏ mài cạnh, nhóm BIII													
	Gạch ceramic xương đỏ, mài cạnh	m ²		KT: 30x45cm	124,120									
	Gạch ceramic xương đỏ, mài cạnh	m ²		KT: 30x60cm	145,520									

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
III	NHÓM SƠN, BỘT TRÉT TƯỜNG										
I		Sản phẩm của Công ty TNHH KOVA NANOPRO				Công ty TNHH Kova Nanopro	Việt Nam			Công ty TNHH KOVA NANOPRO. Địa chỉ: Khu B2-5, đường D2, Khu công	
		Sơn nội thất									
		Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA K-108	Thùng	TCVN 8652:2020	(25kg)						1,285,364
		Sơn nội thất cao cấp KOVA VILLA	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(25kg)						1,411,000
		Sơn nội thất KOVA Lovely	Thùng	TCVN 8652:2020	(18 lít)						1,161,000
		Sơn nội thất cao cấp KOVA SG-168	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(25kg)						1,695,273
		Sơn ngoại thất									
		Sơn lót ngoại thất kháng kiềm cao cấp KOVA K-208	Thùng	TCVN 8652:2020	(18 lít)						2,662,818
		Sơn lót ngoại thất kháng kiềm cao cấp KOVA KV-118	Thùng	TCVN 8652:2020	(25kg)						2,035,273
		Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA CT-04	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(20kg)						4,117,000
		Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA VILLA	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(20kg)	Công ty TNHH Kova Nanopro	Việt Nam			Giá áp dụng cho tất cả huyện, thành phố trực thuộc tỉnh Lâm Đồng, đã bao gồm chi phí vận chuyển.	2,279,636
		Bột trét									
		+ Nội thất									
		Bột trét nội thất cao cấp KOVA MSG	Bao	TCVN 7239:2014	(40kg)						330,091
		Bột trét nội thất cao cấp KOVA VILLA	Bao	TCVN 7239:2014	(40kg)						308,000
		+ Ngoại thất									

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
3		Sản phẩm của Công ty TNHH Sơn Kingson Việt Nam									
		King Putty Bột trét cao cấp nội- ngoại thất	Bao	QC/VN 16:2019/BXD	40kg/bao	Công ty TNHH Sơn Kingson Việt Nam	Việt Nam			Công ty TNHH Sơn Kingson Việt Nam. Địa chỉ 38A, đường 7A, KP5, P. Bình Hưng Hòa A, Q. Bình Tân, TP.HCM. Nhà sản xuất sản phẩm vật liệu để nghi công bố giá: Sản xuất tại nhà máy: 39, Ấp 1, Xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Điện thoại: 0387.113.678. Kèm theo Công văn số 001/6/CBGKS ngày 20/9/2023 của Công ty về việc đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa định kỳ tại Sở Xây dựng. Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 20/9/2023 đến khi có thông báo mới.	455,000
		KingPrimer	Thùng		18 Lít						3,152,000
		KingPrimer	Lơn		5 Lít						911,000
		KingPlast base A	Thùng		18 Lít						3,928,000
		KingPlast base A	Lơn		5 Lít						1,069,000
		KingPlast base B	Thùng		18 Lít						3,731,000
		KingPlast base B	Lơn		5 Lít						1,017,000
		KingSon FAMI Int base A	Thùng		18 Lít						1,030,000
		KingSon FAMI Int base A	Lơn		5 Lít						335,000
		KingSon CLEAN base A	Thùng		18 Lít						2,120,000
		KingSon CLEAN base A	Lơn		5 Lít						634,000
		KingSon CLEAN base A	Lơn		1 Lít						157,000
		KingSon CLEAN base B	Thùng		18 Lít						1,982,000
		KingSon CLEAN base B	Lơn		5 Lít						594,000
		KingSon CLEAN base B	Lơn		1 Lít						137,000
		KingSon SILK base A	Thùng		18 Lít						3,827,000
		KingSon SILK base A	Lơn		5 Lít						1,168,000
		KingSon SILK base B	Thùng		18 Lít						3,650,000
		KingSon SILK base B	Lơn		5 Lít						1,109,000
		KingSon SILK base C	Thùng		18 Lít						3,569,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		KingSon SILK base C	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit	Công ty TNHH Sơn Kingson Việt Nam	Việt Nam				1,069,000
		KingSon INFINITY Int base A	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit						1,309,000
		KingSon INFINITY Int base A	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lit						295,000
		KingSon INFINITY Int base B	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit						1,247,000
		KingSon INFINITY Int base B	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lit						275,000
		KingSon INFINITY Int base C	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit						1,229,000
		KingSon INFINITY Int base C	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lit						256,000
		KingSon FAMI Ext base A	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 Lit						2,318,000
		KingSon FAMI Ext base A	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit						691,000
		KingSon FAMI Ext base A	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lit						176,000
		KingSon FAMI Ext base B	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 Lit						2,200,000
		KingSon FAMI Ext base B	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit						652,000
		KingSon FAMI Ext base B	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lit						157,000
		KingSon FINEST base A	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 Lit						4,484,000
4		Sản phẩm của Công ty CP Sơn Đồng Nai									
		Bột trét trong nhà DONASA Lucky	Kg	TCVN7239:2014		Công ty CP Sơn Đồng Nai	Việt Nam				5,500
		Bột trét ngoài nhà DONASA Lucky	Kg	TCVN7239:2014							6,500
		Bột trét trong nhà DONASA	Kg	TCVN7239:2014							6,000
		Bột trét ngoài nhà DONASA	Kg	TCVN7239:2014							7,500
		Sơn lót chống kiềm trong - ngoài nhà DONASA Anti Alkali	Lit	QCVN 08:2020/BCT							64,000
		Sơn nước trong nhà DONASA SuperCoat	Lit	QCVN 16:2019/BXD QCVN 08:2020/BCT							63,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Sơn nước ngoài nhà DONASA HiniCoat	Lit	QCVN 16:2019/BXD QCVN 08:2020/BCT		Công ty CP Sơn Đồng Nai	Việt Nam				89,000
		Sơn nước cao cấp DONASA Hitech Plus	Lit	QCVN 16:2019/BXD QCVN 08:2020/BCT							175,000
		Sơn lót chống rỉ DONASA (màu đỏ, màu xám)	Kg	QCVN 08:2020/BCT							67,000
		Sơn dầu phủ DONASA	Kg	QCVN 08:2020/BCT							97,000
		Sơn kẽm DONASA 2 trong 1	Lit	QCVN 08:2020/BCT							124,000
IV	NHỰA ĐƯỜNG										
1		Sản phẩm của CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex									
		Nhựa đường 60/70 - Xà	đ/kg	TCVN 7493:2005		CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu		Giao tại Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex (Tầng 5, số 01 Đinh Bộ Lĩnh, P Lê Lợi Tp Quy Nhơn Tỉnh Bình Định. ĐT: 02856 3893206. Bảo giá Nhựa đường Petrolimex ngày 15/01/2024 kèm công văn số 009/2024/BG-NĐ.BĐ.KD.Gia bán có hiệu lực từ ngày 01/01/2024 đến khi có thông báo giá mới.	14,800
		Nhựa đường 60/70 - Phuy	đ/kg	TCVN 7493:2005			Nhập khẩu - đóng phuy tại Việt Nam				16,800
		Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CRS1-Xà	đ/kg	TCVN 8817:2011			Nhà máy nhựa đường Petrolimex				13,500
		Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CSS1-Xà	đ/kg	TCVN 8817:2011							14,500
		Nhũ tương gốc Axit 60% - Xà	đ/kg	TCVN 8817:2011							14,000
		Nhựa đường lỏng Petrolimex MC70-Xà	đ/kg	TCVN 8817:2011							21,900
2		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam-CN Đồng Nai									
		CarbonosAsphalt- CA 9.5,CA6.7 (dùng trong xây dựng nâng cấp và cải tạo kết cấu áo đường)	Tấn	TCCS09:2014/TCDB VN		Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam-CN Đồng Nai	Việt Nam				3,805,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Carboncor Asphalt- CA 12.5 (dùng trong xây dựng nâng cấp và cải tạo kết cấu áo đường)	Tấn	TCCS10:2019/CARBONVN		Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam-CN Đồng Nai	Việt Nam		Giá chưa có thuế, đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy Đồng Nai đến trung tâm TP Đà Lạt. Người địa điểm trên, mỗi km phụ trội sẽ tính thêm 3.000 đồng/tấn	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam-CN Đồng Nai Văn Phòng giao dịch: Tòa nhà Carboncor, 127 Hoàng Ngân, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội Điện Thoại: 024.37958528/09.366.1735. Nhà máy 2: Số 2, đường số 1 KCN Thanh Phú, xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai. Mốc giá áp dụng từ Tháng 1 năm 2024. Hàng tháng, nếu có thay đổi Công ty sẽ gửi từ trình để xin đề nghị được điều chỉnh.	3,805,000
		Carboncor Asphalt- CA 19 (Bê tông nhồi rỗng) (dùng trong xây dựng nâng cấp và cải tạo kết cấu áo đường)	Tấn	TCCS09:2019/CARBONVN						3,065,000	
		Nhũ tương kiểm thẩm bảm	kg	TCVN 13506:2022						23,100	
		Nhũ tương kiểm dính bảm	kg	TCVN 13506:2022						19,250	
V	ĐÈN, ĐÈN TRANG TRÍ, ĐÈN CHIẾU SÁNG, THIẾT BỊ ĐIỆN										
I		Sản phẩm của CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát									
		ĐÈN LED									
		Đèn đường Led Nikkon S439 30W (3000K, 4000K, 5000K)	bộ	EN 61547TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002),TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014), TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014)		CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia		Giá bán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát.Địa chỉ: số 17 đường số 11- Khu phố 4- P.Linh Xuân-TP. Thủ Đức. Điện thoại: 0274 3739 588. Bảng báo giá sản phẩm đèn chiếu sáng LED, đèn trang trí kèm theo Công văn số 16/DQP/CV/2023 ngày 27/12/2023. Bảng báo giá có giá trị đến khi có thông báo giá mới	4,425,000
		Đèn đường Led Nikkon S439 30W (3000K, 4000K, 5000K)	bộ							5,250,000	
		Đèn đường Led Nikkon S439 60W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ							6,375,000	
		Đèn đường Led Nikkon S433 80W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ							8,400,000	

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn đường Led Nikkon S433 85W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ	EN 61547TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002),TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014), TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014)		CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia		Giá bán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát.Địa chỉ: số 17 đường số 11- Khu phố 4- P.Lĩnh Xuân-TP. Thủ Đức .Điện thoại: 0274 3739 588. Hàng báo giá sản phẩm đèn chiếu sáng LED, đèn trang trí kèm theo Công văn số 16/ĐQP/CV/2023 ngày 27/12/2023. Hàng báo giá có giá trị đến khi có thông báo giá mới	9,150,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 90W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								9,450,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 100W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								9,760,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 115W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								10,650,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 120W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ	EN 61547TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002),TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014), TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014)							11,250,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 145W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								12,225,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 40W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								5,520,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 60W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								6,560,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 80W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								7,600,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 100W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								8,800,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn đường Led Nikkon MURA 120W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ	EN 61547TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002),TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014), TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014)		CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia			CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát Địa chỉ: số 17 đường số 11- Khu phố 4- P.Linh Xuân-TP. Thủ Đức- Điện thoại: 0274 3739 588. Bảng báo giá sản phẩm đèn chiếu sáng LED, đèn trang trí kèm theo Công văn số 16/DQP/CV/2023 ngày 27/12/2023. Bảng báo giá có giá trị đến khi có thông báo giá mới	10,400,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 150W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								12,000,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 185W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								14,320,000
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365- 30W Malaysia	1 bộ								13,600,000
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365- 40W Malaysia	1 bộ								14,450,000
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365- 50W Malaysia	1 bộ								15,750,000
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365-60W Malaysia	1 bộ	EN 61547TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002),TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014), TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014)						20,250,000	
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365- 80W Malaysia	1 bộ			24,750,000					
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S3- 100W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ			11,925,000					
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S3- 150W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ			13,425,000					
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S3- 200W- 5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ			14,925,000					
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S5- 250W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ							20,250,000	

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S5-300W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ								21,750,000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S5-350W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ								23,250,000
		ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG									
		Đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D200 - Taiwan	1 bộ	SẢN XUẤT THEO TIÊU CHUẨN: *Chip LED - LM80 * Bộ nguồn Driver : CE ,EN 55015, EN61000, EN61547 * Bộ Đèn : LM 79, EN60598-1, EN60598-2-3, EN62471, EN 62493, EN 61000-1, EN 61547		CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia		Giá bán nên dựa trên tỉnh Lâm Đồng.	CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát Địa chỉ: số 17 đường số 11- Khu phố 4- P.Linh Xuân-TP. Thủ Đức Điện thoại: 0274 3739 588. Bảo hành giá sản phẩm đèn chiếu sáng LED, đèn trang trí kèm theo Công văn số 16/ĐXQP/CV/2023 ngày 27/12/2023. Bảng bán giá có giá trị đến khi có thông báo giá mới	11,670,000
		Đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D300 - Taiwan	1 bộ								14,100,000
		Đèn THGT chữ thập Đỏ D200 - Taiwan	1 bộ								3,900,000
		Đèn THGT chữ thập Đỏ D300 - Taiwan	1 bộ								4,200,000
		Đèn THGT nháy lại D100 - Taiwan	1 bộ								6,600,000
		Đèn THGT đi bộ Xanh Đỏ D200 - Taiwan	1 bộ								8,550,000
		Đèn THGT đèn lùi Xanh Đỏ Vàng D300 - Taiwan	1 bộ								13,350,000
		Đèn THGT đèn lùi vuông 825x520 - Taiwan	1 bộ								23,700,000
		Tủ điều khiển THGT 2 pha	1 bộ								33,800,000
		Dù che tủ điều khiển	1 bộ								9,700,000
		Trụ đỡ tủ điều khiển + cần đỡ	1 bộ								3,750,000
2		Sản phẩm của Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam									

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LE-TITAN ECO 60W, 72 leds, 7200lm, IP66, IK09. Tiết kiệm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA. Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC. Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 568x240x100	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam				10,065,000
		Đèn LE-TITAN ECO 80W, 16 leds--10800lm, IP66, IK09. Tiết kiệm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA. Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC. Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 568x240x100						11,000,000
		Đèn LE-TITAN MID 100W, 32 leds--13500lm, IP66, IK09. Tiết kiệm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA. Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC. Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 702x314x130						12,500,000
		Đèn LE-TITAN MID 120W, 48 leds--17400lm, IP66, IK09. Tiết kiệm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA. Điều chỉnh được góc nghiêng. Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 702x314x130						13,500,000
		Đèn LE-TITAN PRO 150W, 64 leds--21000lm, IP66, IK09. Tiết kiệm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA. Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC. Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 702x314x130						14,500,000

CÔNG TY TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam. Địa chỉ: 233/8 Đường Thủy Trâm, Phường 13, Q. Bình Thạnh, TP. HCM. Điện thoại: 0823 39 2345. Bảng báo giá sản phẩm đèn LED Thời gian áp dụng: ngày 01/01/2024 đến khi có thông báo mới.

100.4.101

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LE-TITAN PRO 205W, 96 leds, 25000lm, IP66, IK09, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC, Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 842*340*140	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam			CÔNG TY TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam, Địa chỉ: 233/8 Đường Thủy Trám, Phường 13, Q. Bình Thạnh, TP. HCM. Điện thoại: 0823 39 2345. Bảng báo giá sản phẩm đèn LED Thời gian áp dụng: ngày 01/01/2024 đến khi có thông báo mới.	16,800,000
		Đèn LE-INDI ECO 60W, 7200lm, IP66, IK08, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 500x177x86						7,500,000
		Đèn LE-INDI ECO 80W, 10000lm, IP66, IK09, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC, Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 605*240*89						8,200,000
		Đèn LE-INDI MIDI 100W, 12000lm, IP66, IK08, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC, Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 605*240*89						8,800,000
		Đèn LE-INDI MIDI 120W, 15000lm, IP66, IK08, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC, Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 715x270x94						9,300,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Nguồn gốc	Điều kiện (thương mại)	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LE-TITAN MIDE 150W, 18750lm, IP66, IK08, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC.Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.)	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 715x270x94		Việt Nam				9,600,000
		Đèn LE-INDI PRO 180W, 168 leds, 22500lm, IP66, IK08, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC.Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.)	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 800x318x91						11,500,000
		Đèn LE-INDI PRO 200W, 25000lm, IP66, IK08, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC.Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.)	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 800x318x91						12,500,000
		Đèn LE-INDI PRO 220W, 27500lm, IP66, IK08, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC.Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.)	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 800x318x91						13,000,000
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDE 60W, tầm năng lượng 18V/80W,IP 66, IK09, Pin LiFePO4 12,8V/42Ah, 10000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1352*373*107						24,000,000

Giá bán gồm chi phí lắp đặt, giá đi bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CÔNG TY TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam Địa chỉ: 233/8 Đường Thủy Liêm, Phường 13.Q Bình Thạnh TP.HCM Điện thoại: 0823 39 2345. Bảng báo giá sản phẩm đèn LED Thời gian áp dụng: ngày 01/01/2024 đến khi có thông báo mới

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDI 80W, tấm năng lượng 18V/100W, IP 66, IK09, Pin LiFePO4 12,8V/42AH, 11000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1482*373*107	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam		Giá bao gồm chi phí lắp đặt, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng	CÔNG TY TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam Địa chỉ: 233/8 Đường Thủy Trâm, Phường 13, Q. Bình Thạnh, TP.HCM Điện thoại: 0823 39 2345. Bảng báo giá sản phẩm đèn LED Thời gian áp dụng: ngày 01/01/2024 đến khi có thông báo mới.	29,500,000
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDI 100W, tấm năng lượng 36V/100W, IP 66, IK09, Pin LiFePO4 25,6V/24AH, 15000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1482*373*107						36,200,000
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDI 120W, tấm năng lượng 36V/100W, IP 66, IK08, Pin LiFePO4 25,6V/30AH, 15000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1482*373*107						37,350,000
		Đèn LE-SOLAR INDI MIDI 60W, 30leds, 4200lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hàng A kết hợp với bộ điều khiển 12V/30Ah, 360Wh, tấm năng lượng mặt trời 18V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thấp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 690*265*130. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*30						15,700,000
		Đèn LE-SOLAR INDI MIDI 80W, 80leds, 1000lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hàng A kết hợp với bộ điều khiển 24V/20Ah, 480Wh, tấm năng lượng mặt trời 36V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thấp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 645*295*144. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*35						19,750,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LE-SOLAR INDI MIDE 100W, 100leds, 11000lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hàng A kết hợp với bộ điều khiển 24V/20Ah, 480Wh, tấm năng lượng mặt trời 36V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thấp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 645*295*144. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*35	Công ty TNHH Chiêu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam		Gia bao gồm chi phí lắp đặt; giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng		20,350,000
		Đèn LE-SOLAR INDI MIDE 120W, 120leds, 15600lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hàng A kết hợp với bộ điều khiển 24V/20Ah, 480Wh, tấm năng lượng mặt trời 36V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thấp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 645*295*144. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*35						22,350,000
3		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI)									
		Dây đồng đơn core bọc PVC-300/500V									
		VC - 0,5 (0,6/0,8) - 300/500 V	đ/m	TCVN 6610-3		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Việt Nam		Không có thông tin	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh, điện thoại 028.38299443, Kèm công văn số 17/CV-KDĐT ngày 02/01/2024 về Thông báo giá bán sản phẩm Quý I năm 2024 .Thông tin liên hệ: A Hải Khôi Kinh doanh Tiếp Thị 0913.854.809. Bảng giá áp dụng trên toàn quốc	2,450
		VC - 1,00 (0,1,13) - 300/500 V	đ/m								4,070
		Dây điện bọc nhum PVC-0,6/1kV (trượt ống):									
		VCmd-2x0.5-(2x16/0.2)-0,6/1kV	đ/m	TCAS/NZS 5000.1							4,660
		VCmd-2x0.75-(2x24/0.2)-0,6/1kV	đ/m								6,570
		VCmd-2x1-(2x32/0.2)-0,6/1kV	đ/m								8,430
		VCmd-2x1.5-(2x30/0.25)-0,6/1kV	đ/m								12,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		VCmd-2x1,5-(2x50/0.25)-0,6/1kV	d/m								19,460
		<i>Dây điện mềm bọc như PFC-300/500V (ruột đồng):</i>									
		VCmo-2x1-(2x32/0.2)-300/500V	d/m	TCVN 6610-5		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Việt Nam		Không có thông tin	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh, điện thoại 028 38299443, Kèm công văn số 17/CV- KĐTT ngày 02/01/2024 về Thông báo giá bán sản phẩm Quý I năm 2024. Thông tin liên hệ: A Hải Khởi Kinh doanh Tiếp Thị 0913.854.809. Bảng giá áp dụng trên toàn quốc	9,680
		VCmo-2x1,5-(2x30/0.25)-300/500V	d/m								13,640
		Vcmo-2x6-(2x7x12/0.30-300/500V	d/m								49,610
		<i>Ống luồn dây điện:</i>									
		Ống luồn tròn F16 dài 2,9m	đồng	BSEN 61386- 21;BS4607;TCVN 7417-21							20,420
		Ống luồn cứng F16-1250N-CA16H	đồng								23,700

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Ông luôn đàn hồi CAF-16	đ/cuộn			Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Việt Nam				190,880
		Ông luôn đàn hồi CAF-20	đ/cuộn								265,100
4		Sản phẩm của Chi nhánh CÔNG TY Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông									
		Đèn LED năng lượng mặt trời- Chiếu pha-Chiếu sáng đường									
		Đèn LED chiếu pha NLMT 200W (Model: CP03.SL.RAD 200W.V2) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 20W, Quang thông đèn 1600Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 18 Ah, cấp bảo vệ IP66, IK08, có cảm biến chuyển động, LED Hàn Quốc.	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Không có thông tin	Chi nhánh CÔNG TY Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông. Địa chỉ: 12A Văn Dồn, phường Phước Hòa, Tp Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Điện thoại: 02 583 87 44 88. Nguồn liên hệ: 090 7613 421. Công văn số 01/24/BGLS-LĐ ngày 02/01/2024 về Bảo giá VLXD trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Mức giá thực hiện từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024. Giá bán áp dụng trên toàn quốc.	1,860,000
		Đèn LED chiếu pha NLMT 300W (Model: CP03.SL.RAD 300W.V2) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 35W, Quang thông đèn 2400Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 30 Ah, cấp bảo vệ IP66, IK08, có cảm biến chuyển động, LED Hàn Quốc.	bộ								2,550,000
		Đèn LED chiếu pha NLMT 50W CLC (Model: CP02.SL.RF 50W) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 40W, Quang thông đèn 1700Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 20 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								2,560,000
		Đèn LED chiếu pha NLMT 70W CLC (Model: CP02.SL.RF 70W) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 50W, Quang thông đèn 2000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 30 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								3,700,000
		Đèn LED chiếu pha NLMT 90W CLC (Model: CP02.SL.RF 90W) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 55W, Quang thông đèn 1700Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 35 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								4,600,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED chiếu pha NLMT 150W CLC (Model: CP02.SL.RF 150W) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 65W, Quang thông đèn 3000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 65 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ			Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông			Không có thông tin		7,000,000
		Đèn năng lượng mặt trời chiếu sáng đường									
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 30W (Model: CSD01.SL.RF 30W V2) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 65W, Quang thông đèn 3200Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 50 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								4,750,000
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 50W (Model: CSD01.SL.RF 50W V2) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 95W, Quang thông đèn 4600Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 65 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								6,600,000
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 70W (Model: CSD02.SL 70W) tấm solar Mono Crystalline rời 18V/100W, Quang thông đèn 8000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 12.8V/43 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông			Không có thông tin		18,740,000
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 100W (Model: CSD02.SL 100W) tấm solar Mono Crystalline rời 18V/130W, Quang thông đèn 10.500Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 12.8V/54 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								23,020,000
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 120W (Model: CSD02.SL 120W) tấm solar Mono Crystalline rời 18V/170W, Quang thông đèn 12.000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 12.8V/54 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								26,170,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED chiếu sáng đường (LED SMT-LumiLED-Philips; Tuổi thọ 50.000h, Bảo hành 5 năm, 5 cấp Dimming, IK08,IP66)		QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Không có thông tin		
		Đèn LED chiếu sáng đường 100W (Model: CSD05 100W LD 3M) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,058,700
		Đèn LED chiếu sáng đường 120W (Model: CSD05 120W LD) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,399,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 120W (Model: CSD05 150W LD) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,744,000
		Đèn LED chiếu sáng đường (LED SMT-LumiLED-Philips; Tuổi thọ 50.000h, Bảo hành 5 năm, 5 cấp Dimming, IK08,IP66, có đầu kết nối thông minh)									
		Đèn LED chiếu sáng đường 80W (Model: CSD08 80W NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								6,000,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 100W (Model: CSD08 100W NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,000,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 120W (Model: CSD08 120W NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,200,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 150W (Model: CSD08 150W NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,500,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 200W (Model: CSD08 200W NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								9,000,000
		Đèn LED HIGHT BAY (Nhà xưởng- Nhà thi đấu)									
		Đèn LED HIGHT BAY 50W (Model: HB02L 350/50W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								1,342,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED HIGH BAY 70W (Model: HB02L 350/70W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bông đèn Phích nước Rạng Đông			không có thông tin		1,406,000
		Đèn LED HIGH BAY 100W (Model: HB02L 430/100W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								2,252,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 150W (Model: CSD08 150W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								2,582,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 200W (Model: CSD08 200W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								2,746,000
		Đèn LED HIGH BAY 200W (Model: HB02L 500/200W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								3,328,000
		LED HIGH BAY UFO (NHÀ XƯỞNG-KHO LẠNH...)									
		Đèn LED HIGH BAY 100W (Model: HB03 290/100W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								1,712,000
		Đèn LED HIGH BAY 120W (Model: HB03 350/120W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								2,562,000
		Đèn LED HIGH BAY 150W (Model: HB03 350/150W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								2,604,000
		Đèn LED HIGH BAY 200W (Model: HB03 390/200W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								3,310,000
		ĐÈN LED Chiếu pha góc chiếu 60/90 độ (IP66, IK08) (Chiếu sáng mặt ngoài, cây cảnh, sân bóng đá mini, sân Tennis...)									

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED chiếu pha 100W (Model CP07 100W). Ánh sáng 4000/5000K	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bông đèn Phích nước Rạng Đông			không có thông tin		3,600,000
		Đèn LED chiếu pha 150W (Model CP07 150W). Ánh sáng 4000/5000K	bộ								4,600,000
		Đèn LED chiếu pha 200W (Model: CP07 200W) ánh sáng 4000/5000K	bộ								6,000,000
		Đèn LED chiếu pha 250W (Model: CP07 250W) ánh sáng 4000/5000K	bộ								8,000,000
5		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam									
		Đèn LED chiếu sáng đường phố									
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 30W đến 39W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722 -1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 – 2 – 3: 2019/ IEC 60598-2: 3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuộn, tử điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Bảo giá số 14/CV-SLI ngày 01/3/2024.	6,500,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 40W đến 49W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 -10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								6,875,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 50W đến 59W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								7,500,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 60W đến 69W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								8,250,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 70W đến 79W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722 -1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 - 2 - 3: 2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%		9,000,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 80W đến 89W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ							Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896. Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Bảo giá số 14/CV-SLI ngày 01/3/2024.	10,750,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 90W đến 99W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								11,125,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 100W đến 109W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 -10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								11,625,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 110W đến 119W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								12,000,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 120W đến 129W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								12,325,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 130W đến 139W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								12,500,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 140W đến 149W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722-1:2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722-2-3:2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896. Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành đèn và các thiết bị (đầu cuối, từ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Bảo giá số 14/CV-SLI ngày 01/3/2024.	13,250,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 150W đến 159W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								13,500,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 160W đến 169W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								13,750,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 170W đến 179W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								15,250,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 180W đến 189W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								16,500,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 190W đến 200W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								17,250,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 250W. Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								18,500,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 280W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen $\geq$ 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722-1:2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722-2-3:2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tu điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Bảo giá số 14/CV-SLI ngày 01/3/2024.	20,500,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 300W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen $\geq$ 130 Lm/W.	Bộ								23,360,000
		Đèn LED SL22 (30w - 45w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								7,000,000
		Đèn LED SL22 (50w - 80w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								9,000,000
		Đèn LED SL22 (85w - 100w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								11,400,000
		Đèn LED SL22 (105w - 130w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								12,200,000
		Đèn LED SL22 (135w - 150w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								13,100,000
		Đèn LED SL22 (155w - 180w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								13,800,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED SLJ22 (185w - 200w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ	TCVN 7722 -1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 - 2 - 3: 2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam			Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	16,200,000
		Đèn pha LED SLJ-FL9 (50w-90w)	Bộ								8,220,000
		Đèn pha LED SLJ-FL9 (95w-135w)	Bộ								9,298,000
		Đèn pha LED SLJ-FL9 (140w-180w)	Bộ								10,586,300
		Đèn pha LED SLJ-FL9 (185-230w)	Bộ								15,250,000
		Đèn pha LED SLJ-FL9 (235w- 280w)	Bộ								17,950,000
		Đèn pha LED SLJ-FL9 (285w-360w)	Bộ								18,972,500
		Đèn pha LED SLJ-FL9 (365w-400w)	Bộ								27,150,000
		Đèn pha LED SLJ-FL9 (405w-450w)	Bộ								30,500,000
		Đèn pha LED SLJ-FL9 (455w-520w)	Bộ								33,500,000
		Thiết bị đầu cuối thông tin di động truyền/nhận tín hiệu điều khiển SL1412. Nối trực tiếp với bộ nguồn Led (Driver) và gắn trên từng bộ đèn đường LED và đèn pha LED	Bộ	ISO 9001:2015 QCVN 12:2015/BTTTT QCVN 15:2015/BTTTT QCVN 117:2018/BTTTT						Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp	2,800,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh có gắn kết bộ kết nối trung tâm thu phát tín hiệu điều khiển (Gateway) sử dụng 01 Sim điện thoại 4G và 01 anten đi kèm. Bộ kết nối trung tâm (Gateway) được kết nối trực tiếp với mạng internet để chuyển tín hiệu điều khiển về máy chủ, phần mềm và trung tâm điều khiển và quản lý chiếu sáng công cộng thông minh	Tủ	ISO 9001:2015 QCVN 73:2013/BTTTT		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam				90,000,000
		Trụ bát giác, tròn còn liền cần đơn vượt 1,5m, mạ kẽm nhúng nóng								Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896. Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Bảo giá số 14/CV-SLI ngày 01/3/2024.	
		Trụ bát giác, tròn còn liền cần đơn, H=6m tôn dày 3mm	Cột								5,220,000
		Trụ bát giác, tròn còn liền cần đơn, H=7m tôn dày 3mm	Cột								5,920,000
		Trụ bát giác, tròn còn liền cần đơn, H=8m tôn dày 3mm	Cột								6,310,000
		Trụ bát giác, tròn còn liền cần đơn, H=9m tôn dày 3,5mm	Cột								8,600,000
		Trụ bát giác, tròn còn liền cần đơn, H=10m tôn dày 4mm	Cột								9,400,000
		Trụ bát giác, tròn còn liền cần đơn, H=11m tôn dày 4mm	Cột								11,700,000
		Trụ bát giác, tròn còn cần rời D78 mạ kẽm nhúng nóng									
		Trụ bát giác, tròn còn 6m D78-3mm	Cột								5,800,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Trụ bát giác, tròn cột 7m D78-3mm	Cột	TCVN ISO 9001: 2015/ISO9001:2015		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đem giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896. Đem giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật rằng cập Bảo giá số 14/CV-SLI ngày 01/3/2024.	6,250,000
		Trụ bát giác, tròn cột 8m D78-3mm	Cột								6,810,000
		Trụ bát giác, tròn cột 9m D78-4mm	Cột								8,820,000
		Trụ bát giác, tròn cột 10m D78-4mm	Cột								9,830,000
		Trụ bát giác, tròn cột 11m D78-4mm	Cột								12,830,000
		Cần đèn CD-01 cao 2m, vòm 1,5m dây 3mm	Cần								1,890,000
		Cần đèn CD-02; CD06; CD-10; CD-21; CD-27; CD-32 cao 2m, vòm 1,5m	Cần								1,785,000
		Cần đèn cánh bướm CD15	Cần								4,050,000
		Cần đèn CK-01 cao 2m, vòm 1,5m	Cần								2,390,000
		Cần đèn CK-02; CK06; CK-10; CK-21; CK-27; CK-32 cao 2m, vòm 1,5m	Cần								2,150,000
		Cần cánh bướm CK15	Cần								4,520,000
		Cọc tiếp địa									
		Cọc tiếp địa V63x63x6x2500	Cọc								1,020,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Phụ kiện cột thép									
		KM cột M16x340x340x500	Bộ	TCVN ISO 9001: 2015/ISO9001:2015		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%		670,000
		KM cột M16x260x260x500	Bộ								650,000
		KM cột M16x240x240x500	Bộ								630,000
		KM cột M24x300x300x675	Bộ								930,000
		KM cột M24x300x300x750	Bộ								970,000
6		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái									
		1. Cáp đồng đơn bọc cách điện PVC - CV (0,6/1kV)									
		Dây điện VCmđ 2x0.5mm ² 0.6/1kV	mét	TCVN 5935		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình, nơi trung tâm các huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đối với các đơn hàng từ thiểu 20.000.000 VND	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái. Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1 - Đường số 1 - Phường An Bình Thành phố Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 0251.3836204. Kèm theo công văn số 01/2024/CSV-T ngày 02/01/2024 của Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Thái đến khi có thông báo mới.	4,100
		Dây điện VCmđ 2x0.75mm ² 0.6/1kV	mét								5,780
		Dây điện VCmđ 2x1mm ² 0.6/1kV	mét								7,420
		Dây điện VCmđ 2x1.5mm ² 0.6/1kV	mét								10,560
		Dây điện VCmđ 2x2.5mm ² 0.6/1kV	mét								17,130
		Dây điện VCmđ 2x0.75mm ² 300/500V	mét								6,800
		Dây điện VCmđ 2x1mm ² 300/500V	mét								8,510
		Dây điện VCmđ 2x1.5mm ² 300/500V	mét								12,000
		Dây điện VCmđ 2x2.5mm ² 300/500V	mét								19,320
		Dây điện VCmđ 2x4mm ² 300/500V	mét								29,210
		Dây điện VCmđ 2x6mm ² 300/500V	mét								43,660
		Dây điện VCmđ 2x0.75mm ² 300/500V	mét								7,620
		Dây điện VCmđ 2x1mm ² 300/500V	mét								9,410

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Dây điện VCMt 2x1.5mm ² 300/500V	mét	TCVN 5935		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam	Đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình, nơi trung tâm các huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đối với các đơn hàng tối thiểu 20.000.000 VNĐ		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái. Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1 - Đường số 1 - Phường An Bình Thành phố Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 0251.3836204. Kèm theo công văn số 01/2024/CV-VT ngày 02/01/2024 của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái đến khi có thông báo mới.	13,240
		Dây điện VCMt 2x2.5mm ² 300/500V	mét		21,090						
		Dây điện VCMt 2x4mm ² 300/500V	mét		31,480						
		Dây điện VCMt 2x6mm ² 300/500V	mét		46,630						
		Dây điện VCMt 3x0.75mm ² 300/500V	mét		10,300						
		Dây điện VCMt 3x1mm ² 300/500V	mét		12,790						
		Dây điện VCMt 3x1.5mm ² 300/500V	mét		18,610						
		Dây điện VCMt 3x2.5mm ² 300/500V	mét		29,400						
		Dây điện VCMt 3x4mm ² 300/500V	mét		44,060						
		Dây điện VCMt 3x6mm ² 300/500V	mét		66,830						
		Dây điện VCMt 4x0.75mm ² 300/500V	mét		13,210						
		Dây điện VCMt 4x1mm ² 300/500V	mét		16,720						
		Dây điện VCMt 4x1.5mm ² 300/500V	mét		24,160						
		Dây điện VCMt 4x2.5mm ² 300/500V	mét		38,020						
		Dây điện VCMt 4x4mm ² 300/500V	mét		57,620						
		Dây điện VCMt 4x6mm ² 300/500V	mét		86,920						
		Cáp CV 1.5mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét		5,490						
		Cáp CV 2.5mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét		8,960						
		Cáp CV 4mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét		13,560						
		Cáp CV 6mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét		19,900						
		Cáp CV 10mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét		32,930						
		Cáp CV 16mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét		52,030						
		Cáp CV 25mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét		81,590						
		Cáp CV 35mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét		112,840						
		Cáp CV 50mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét		154,390						
		Cáp CV 70mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét		220,290						
		Cáp CV 95mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét		304,650						
7		Sản phẩm của Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc									
		ĐÈN ĐIỆN CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG PHỐ									

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn Led dương phổ P5-120W, DIM	Cái	QCVN 19:2014/BKHCN TCVN 7722-1-2017 và TCVN 7722-2-3-2019		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện ben ben)	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc. Địa chỉ công ty: Số 30 Khu C, khu đầu giá QSDĐ, tổ dân phố Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Địa chỉ nhà máy 1: KCN Quang Minh - Thị trấn Chi Đông - H. Mê Linh - TP. Hà Nội. Công văn bán giá số 240305LED/CV-MB ngày 05/3/2024 của Công ty thực hiện kể như báo giá tháng 02/2024 cho đến khi có hàng niêm yết giá mới.	5,213,000
		Đèn Led dương phổ P5-150W, DIM	Cái								5,954,000
		KHUNG MÓNG CỘT									
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái	TCCS 01:2018/C&SMB	KT: (240x240x500)mm						546,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái		KT: (240x240x750)mm						666,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái		KT: (240x240x1000)mm						786,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái		KT: (260x260x500)mm						591,500
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái		KT: (340x340x500)mm						624,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24	Cái		KT: (300x300x675)mm						610,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24	Cái		KT: (300x300x1000)mm						710,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24	Cái		KT: (300x300x1250)mm						850,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24	Cái	TCCS 01:2018/CSMB	KT: (300x300x1500)mm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam			Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc. Địa chỉ công ty: Số 30 Khu C, khu dân cư QSDĐ, tổ dân phố Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Địa chỉ nhà máy 1: KCN Quang Minh - Thị trấn Chi Đông - H. Mê Linh - TP. Hà Nội. Công văn báo giá số 240305LE/CV-MB ngày 05/3/2024 của Công ty thực hiện kể như báo giá tháng 02/2024 cho đến khi có bằng miễn yết giá mới	990,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 8 Bulông M24	Cái		KT: Ø400mm, cao 1200mm (Lắp cho cột cao 13-16m)						3,612,700
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 8 Bulông M24,	Cái		KT: Ø450mm, cao 1350mm (Lắp cho cột cao 17-18m không nâng hạ)						4,513,600
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 18 Bulông M30,	Cái		KT: Ø800mm, cao 1750mm (2 tầng địa định vi, lắp cho cột nâng hạ 17-25m)						17,945,200
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 20 Bulông M30, 01:2018/CSMB)	Cái		KT: Ø900mm, cao 1750mm (2 tầng địa định vi, lắp cho cột nâng hạ 30-35m)						23,387,000
		CỘT ĐÈN SÂN, VƯỜN TRANG TRÍ									
		Đế DP03 gang cho cột thép	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							8,562,400
		Cột DP01 đế gang cho cột sân vườn ống nhện D108, cao 2,3m	Cái								5,805,800
		Đế gang DC06 cho cột sân vườn ống nhện D108, cao 2,3m + Chùm CH07 (4+1) tay	Cái								5,467,000
		Cột DC01 đế gang cho cột thép	Cái								10,778,600
		Đế cột BANBIAN gang cho cột sân vườn ống nhện D108, cao 2,3m + Chùm CH11 (4+1) tay	Cái								5,460,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đế cốt NOUVO để gang cho cột sản vượt ống nhôm D108, cao 2.3m + Chấn dòn CH12	Cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị đèn và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam			Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện bốn bánh)	5,532,800
		CÁN ĐÈN LÁP VÀO THÂN CỘT THÉP - D78									
		Cán đèn MB01-D, MB02-D, MB05-D, MB06-D, MB07-D, MB08-D, MB09-D	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							1,619,800
		Cán kẹp MB01-K, MB02-K, MB05-K, MB06-K, MB07-K, MB08-K, MB09-K	Cái								2,233,000
		Cán đèn MB03-D, MB04-D, MB10-D, MB11-D, MB12-D	Cái								1,345,400
		Cán kẹp MB03-K, MB04-K, MB10-K, MB11-K, MB12-K	Cái								1,876,000
		CỘT THÉP CHIẾU SÁNG - LIÊN CÁN ĐƠN									
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liên côn cao 6m, bích 300x300	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							2,310,000
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liên côn cao 7m, bích 300x300	Cái								2,730,000
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liên côn cao 8m, bích 300x300	Cái								3,500,000
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liên côn cao 9m, bích 300x300	Cái								4,055,800
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liên côn cao 10m, bích 400x400	Cái								4,566,800
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liên côn cao 11m, bích 400x400	Cái								4,659,200
		THÂN CỘT THÉP CHIẾU SÁNG - D78									

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cột bát giác, tròn cốt - D78, thép SS400 dày 8mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cốt thân cột cao 4m, kích 300x300	Cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện ben búa)		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc. Địa chỉ công ty: Số 30 Khu C, khu dân cư QSDĐ, tổ dân phố Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Địa chỉ nhà máy 1: KCN Quang Minh - Thị trấn Chi Đông - H. Mê Linh - TP. Hà Nội. Công văn báo giá số 240305LD/CV-MB ngày 05/3/2024 của Công ty thực hiện kể như báo giá tháng 02/2024 cho đến khi có bằng niêm yết giá mới	2,170,000
		Cột bát giác, tròn cốt - D78, thép SS400 dày 8mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cốt thân cột cao 5m, kích 300x300	Cái								2,380,000
		Cột bát giác, tròn cốt - D78, thép SS400 dày 8mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cốt thân cột cao 6m, kích 400x400	Cái								3,175,200
		Cột bát giác, tròn cốt - D78, thép SS400 dày 8mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cốt thân cột cao 7m, kích 400x400	Cái								4,264,400
		Cột bát giác, tròn cốt - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cốt thân cột cao 8m, kích 400x400	Cái								4,960,200
		Cột bát giác, tròn cốt - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cốt thân cột cao 9m, kích 400x400	Cái								6,427,400
		Cột bát giác, tròn cốt - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cốt thân cột cao 10m, kích 400x400	Cái								6,514,200
		CỘT GIÀN DÈN NẮNG HẠ (Mạ kẽm nhôm nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123, thép SS400, năng hạ tự động giàn đèn, kim thu sét thụ động D16)									
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, long dây 4mm mạ kẽm, năng hạ 17m (có bộ điện năng hạ, long bít B-12 đèn)	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							136,360,000
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, long dây 4mm mạ kẽm, năng hạ 20m (có bộ điện năng hạ, long bít B-12 đèn)	Cái								153,160,000
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, long dây 4mm mạ kẽm, năng hạ 25m (có bộ điện năng hạ, long bít B-12 đèn)	Cái								167,160,000
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, long dây 4mm mạ kẽm, năng hạ 30m (có bộ điện năng hạ, long bít B-12 đèn)	Cái								187,600,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, lòng dày 4mm mạ kẽm, nắng hạ 35m (có bộ đèn năng hạ, tổng hất 8-12 đèn)	Cột	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam			Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện ben hán)	221,200,000
		CỘT ĐÈN PHA SÂN GOLF									
		Cột đa giác, tròn còn thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, hất giác, tròn còn cao 14m, hất 2-8 đèn pha	Cột	TCCS 01:2018/CSMB							23,100,000
		Cột đa giác, tròn còn thép SS400 dày 4-5mm, mạ kẽm, đa giác, hất giác, tròn còn cao 12m, hất 2-8 đèn pha	Cột								25,928,000
		Cột đa giác, tròn còn thép SS400 dày 4-5mm, mạ kẽm, đa giác, hất giác, tròn còn cao 11m, hất 2-8 đèn pha	Cột								32,942,000
		Cột đa giác, tròn còn thép SS400 dày 5-6mm, mạ kẽm, đa giác, hất giác, tròn còn cao 17m, hất 2-8 đèn pha	Cột								34,329,400
		Nắp hồ ga, song chắn rác bằng vật liệu Composite, Gang									
		Song chắn rác Composite, Gang 800x430 + Khung 960x530 tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-5:2015							4,000,000
		Song chắn rác Composite, Gang 800x430 + Khung 960x530 tải trọng 25 tấn	Cái								6,500,000
		Song chắn rác Composite, Gang 800x430 tải trọng 25 tấn	Cái								4,100,000
		Song chắn rác Composite, Gang 800x430 tải trọng 40 tấn	Cái								4,900,000
		Song chắn rác Composite, Gang 960x530 tải trọng 12.5 tấn	Cái								3,360,000
		Nắp hồ ga Composite, Gang, 850x850 tải trọng 12.5 tấn	Cái								4,200,000
		Nắp hồ ga Composite, Gang, 850x850 tải trọng 25 tấn	Cái								6,460,000
		Nắp hồ ga Composite, Gang, 850x850 tải trọng 40 tấn	Cái								7,960,000
		Nắp hồ ga Composite, Gang, 500x900 tải trọng 12.5 tấn	Cái								5,400,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Nắp hồ ga Composite, Gang 900x900 từ trọng 25 tấn	Cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện ben ben)		7,500,000
		Nắp hồ ga Composite, Gang 900x900 từ trọng 40 tấn	Cái								8,500,000
8		Sản phẩm của Công ty TNHH Thiết bị Điện Duy Linh									
		Quạt thông gió GEH15B2	Cái	QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty TNHH Thiết bị Điện Duy Linh	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Thiết bị Điện Duy Linh. Địa chỉ: Số 4/182 ngõ 34 Phố Vĩnh Tuy- Quận Hai Bà Trưng- Hà Nội. Điện thoại: 0916 991 083. Kèm theo công văn số 0612/CV-DL ngày 06/12/2023 của Công ty Thiết bị Điện Duy Linh đến khi có thông báo mới.	400,000
		Tủ điện nhựa mặt phẳng SPL2/4	Cái								168,000
		Apomat 1 cực 10A	Cái								84,000
		Mặt 1 lỗ Luxury trắng - GK801	Cái								61,000
		Ổ điện 3 chấu 16A (trắng) KT2B/1-9K	Cái								35,000
VI	VẬT LIỆU CỬA										
1		Sản phẩm của Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp									
		Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng bộ của Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp, kính an toàn hai lớp dày 6.38mm, 8.38mm.		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam				

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		-Vách kính, cửa đi, cửa sổ hệ Việt Pháp 4400									
		Vách kính hệ Việt Pháp 4400, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao 1.2mm	M2	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp, Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1: Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Tà Liền, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 05/2024/CV-NVP ngày 04/01/2024 của công ty về việc Thống báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	1,600,000
		Cửa đi 1 cánh hệ Việt Pháp 4400, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao và khung cánh 1.3+1.4 mm.	M2								1,900,000
		Cửa sổ mở quay, mở hất hệ Việt Pháp 4400, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao và khung cánh 1.3+1.4 mm.	M2								1,800,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 1 cánh hệ Việt Pháp 4400 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franchini (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay gạt)	Bộ								460,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở quay, mở hất 1 cánh hệ Việt Pháp 4400 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franchini (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay gạt)	Bộ								360,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở quay, mở hất 2 cánh hệ Việt Pháp 4400 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franchini (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay gạt)	Bộ								700,000
		- Cửa đi hệ Việt Pháp 450									
		Cửa đi hệ 450 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm khung cánh 1.3+1.8mm.	M2	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		2,060,000
		Bộ phụ kiện cửa mở đi quay 1 cánh hệ Việt Pháp 450 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franchini 1 cánh (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay gạt)	Bộ								920,000
		Bộ phụ kiện cửa mở đi quay đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franchini 2 cánh (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay gạt)	Bộ								1,150,000
		-Cửa sổ, cửa đi hệ Việt Pháp 2600									
		Cửa đi hất hệ Việt Pháp 2600, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao và khung cánh 1.3+1.4 mm.	M2								1,850,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cửa sổ lõi hệ Việt Pháp 2600, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm khung nhôm 1,5-1,8 mm	M2	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy IL Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký mức yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	1,850,000
		Bộ phụ kiện cửa đi, cửa sổ mở lõi 2 cánh đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi 2 cánh (gồm:把手, chốt khóa, vảo)	Bộ								250,000
		Bộ phụ kiện cửa đi, cửa sổ mở lõi 4 cánh đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm:把手, chốt khóa, vảo)	Bộ								400,000
		-Vách kính mặt dựng hệ Việt Pháp 1100									
		Hệ mặt dựng 1100 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 8,38 mm trắng trong, khung nhôm 2mm	M2								2,350,000
		Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất. Phụ kiện đồng bộ tính riêng theo từng loại cửa tương ứng.									
		-Vách kính cố định, cửa sổ, cửa đi hệ Xingfa 55									
		Vách kính cố định hệ 55 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm chịu lực 1,4 mm.	M2								1,660,000
		Cửa đi hệ Xingfa 55, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung nhôm dày 2.0mm	M2								2,300,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 1 cánh (gồm: 3 bản lề, tay nắm và khóa đa điểm)	Bộ								1,300,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 2 cánh (gồm: 6 bản lề, tay nắm và khóa đa điểm)	Bộ								2,100,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 4 cánh (gồm: 12 bản lề, tay nắm, chốt cửa và khóa đa điểm)	Bộ	Thanh nhóm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1: Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Đền Quỳ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên So Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	5,000,000
		Cửa sổ mở quay, mở hất, mở trượt hệ Xingfa 55, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1.8mm	M2								1,950,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 1 cánh (gồm: bản lề chữ A, khóa tay nắm đơn điểm, thanh cái)	Bộ								390,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 2 cánh (gồm: bản lề chữ A, khóa tay nắm đa điểm, thanh cái)	Bộ								730,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 4 cánh (gồm: bản lề chữ A, khóa tay nắm đa điểm, thanh cái)	Bộ								1,350,000
		-Vách kính cố định, cửa sổ, cửa đi hệ Xingfa 93									
		Vách kính cố định hệ 93 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, nhôm dày 2mm.	M2								2,000,000
		Cửa sổ hất Xingfa 93, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, nhôm dày 2mm.	M2								2,000,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở trượt 2 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm)	Bộ								1,900,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở trượt 4 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm)	Bộ								1,900,000
		Cửa đi hất hệ Xingfa 93, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, nhôm dày 2mm.	M2								2,000,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở trượt hất 2 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm)	Bộ								1,900,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Hệ phụ kiện cửa đi mở trượt lùa 4 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm).	Bộ	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam			Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	1,900,000
		-Vách kính mặt dựng nhôm hệ NINGF65 (Bao gồm cả phụ kiện cửa sổ nếu có).									
		Hệ mặt dựng NINGF65, kính an toàn 2 lớp 8,38 mm trắng trong. Độ dày thanh nhôm châu lục: 2.5mm	M2								2,800,000
		Cửa, vách kính khung nhôm hệ 55 vát cạnh - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng, kính an toàn hai lớp dày 6,38mm, 8,38mm									Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1- N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy [L.Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dâu Quỳ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/ 01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu này được đề đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024
		Cửa đi hệ 55 vát cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1.0 mm)	M2								1,950,000
		Cửa sổ mở hất, mở quay hệ 55 vát cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1.0mm	M2								1,900,000
		Cửa sổ, cửa đi mở lùa hệ 55 vát cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1.0mm	M2								1,850,000
		Vách kính cố định hệ 55 vát cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước vách 2000 x1600mm, độ dày thanh nhôm châu lục 1.6 mm)	M2								1,680,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 1 cánh (gồm: tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ								390,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 2 cánh (gồm: tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ								730,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 1 cánh (gồm Tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 11, Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/01/2024 của công ty về việc Thống nhất giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	800,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 2 cánh (gồm Tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ								1,300,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ, cửa đi mở lùa 2 cánh (gồm: Bánh xe, chốt sập, đệm chống nhúc)	Bộ								400,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ, cửa đi mở lùa 4 cánh (gồm: Bánh xe, chốt sập, đệm chống nhúc)	Bộ								700,000
		Cửa thủy lực khung nhôm - Thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp sản xuất, Độ dày thanh nhôm dày từ 1.6 ÷ 2.2mm, phụ kiện đồng bộ, kính an toàn hai lớp dày 6.38mm, 8.38mm.									
		V26: Cửa nhôm thủy lực 1 cánh Việt Pháp, (bản nhôm 120mm) kính an toàn 2 lớp 6.38 mm tổng trọng (kính trước cửa 1100 x 2690 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.6÷2.2 mm).	M2								2,900,000
		Bộ phụ kiện cửa 1 cánh (gồm: Bản lề sàn, chốt sàn, khóa, tay nắm cửa)	Bộ								4,500,000
		Bộ phụ kiện cửa 2 cánh (gồm: Bản lề sàn, chốt sàn, khóa, tay nắm cửa)	Bộ								8,000,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cửa kính khung nhôm Hệ trượt quay - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng bộ, kính an toàn hai lớp dày 6.38mm, 8.38mm		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1- NG, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1: Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/ 01/2024 của công ty về việc Thống báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	
		V20: Cửa trượt quay 2 cánh Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.6*2.5 mm.	M2								2,200,000
		Bộ phụ kiện cửa mở quay 2 cánh (gồm: Bánh xe, ray dẫn hướng, tay kéo, chốt)	Bộ								2,900,000
		Bộ phụ kiện cửa mở quay 4 cánh (gồm: Bánh xe, ray dẫn hướng, tay kéo, chốt)	Bộ								4,500,000
		Cửa cuốn nan nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng bộ của Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp (Đơn giá chưa bao gồm Motor, Lưu điện)									
		Cửa cuốn: F48	M2								2,130,000
		Cửa cuốn: F48E	M2								1,980,000
		Cửa cuốn: F431	M2								2,300,000
		Cửa cuốn: F46	M2								2,485,000
		Cửa cuốn: F461	M2								2,880,000
		Cửa cuốn: F49-2	M2								2,670,000
		Cửa cuốn: F49-3	M2								2,940,000



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Mô tơ và lưu điện dùng cho cửa cuốn thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI của Công ty Cổ phần nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp.		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		
		Mô tơ (tải trọng 300 kg)	M2								4,885,000
		Mô tơ (tải trọng 500 kg)	M2								5,545,000
		Mô tơ (tải trọng 700 kg)	M2								8,515,000
		Mô tơ (tải trọng 1000 kg)	M2								9,285,000
		Bộ lưu điện (900W)	M2								3,675,000
		Bộ lưu điện (1500W)	M2								4,775,000
2		Sản phẩm của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung									
		HỆ NS-55: Cửa đi nhôm 1 cánh & 2 cánh (kèm chìa đồ gỗ / ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kinh tế Công Nghiệp Hạ Long - CFG dày 5 mm	đồng/m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam		Giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Nhôm NamSung Địa điểm trụ sở chính và Nhà máy sản xuất: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn (GD 3+4), ấp Bình Tiến 2, xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Theo Công văn số 1222/2023/NS-CBG ngày 22/12/2023 về việc đề nghị báo giá sản phẩm được công bố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	2,815,000
		HỆ NS-55: Cửa đi nhôm 1 cánh & 2 cánh (kèm chìa đồ gỗ / ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kinh tế Công Nghiệp Hạ Long - CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,570,000
		HỆ NS-55: Cửa đi nhôm 1 cánh & 2 cánh (kèm chìa đồ gỗ / ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kinh tế Công Nghiệp Hạ Long - CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,230,000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm. Độ dày nhôm 2.0 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long - CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,815,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở hùa 1 cánh & 2 cánh (kèm ổ cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2015		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam			Công ty TNHH Nhôm NamSung. Địa điểm trụ sở chính và Nhà máy sản xuất: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn (GD 3+4), ấp Bình Tiến 2, xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Theo Công văn số 1322/2023/NS-CBG ngày 22/12/2023 về việc đề nghị báo giá sản phẩm được công bố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	2,570,000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở hùa 1 cánh & 2 cánh (kèm ổ cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,150,000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở hùa, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,700,000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở hùa, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,470,000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở hùa, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,180,000
		HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								1,900,000
		HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								1,800,000
		HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								1,800,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Nuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		SONG BẢO VỆ, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.3 mm	đồng/m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2015		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung.	Việt Nam			Công ty TNHH Nhóm NamSung. Địa điểm trụ sở chính và Nhà máy sản xuất: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn (GD 3+4), ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Theo Công văn số 1222/2023/NS-CBG ngày 22/12/2023 về việc đề nghị báo giá sản phẩm được công bố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	1,500,000
		HỆ NS-93: Cửa nhôm lõi 4 cánh - khung hộp 2 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm, kính trắng Công Nghiệp Hà Long - CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,750,000
		HỆ NS-93: Cửa nhôm lõi 4 cánh - khung hộp 2 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm, kính trắng Công Nghiệp Hà Long - CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,300,000
		HỆ NS-93: Cửa nhôm lõi 6 cánh - khung hộp 3 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm, kính trắng Công Nghiệp Hà Long - CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,900,000
		HỆ NS-XL66: Cửa vẩy lõi 4 cánh, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, kính trắng Công Nghiệp Hà Long - CFG dày 5 mm	đồng/m2								3,000,000
		HỆ MẶT DUNG NS-65: kết cấu nhôm 65x120, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.5 mm, phụ kiện vít dày đủ, kính đen Công Nghiệp Hà Long - CFG 10 mm	đồng/m2								3,350,000

- Thông tin báo giá vật liệu xây dựng do các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng ngoài tỉnh cung cấp để công bố tại Phụ lục 3.

2. Một số nội dung lưu ý khi xác định giá vật liệu xây dựng

a) Về giá vật liệu xây dựng:

- Giá các loại vật liệu xây dựng tại các Phụ lục kèm theo Công bố này là cơ sở để xác định giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình được thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá lựa chọn trên cơ sở tham khảo các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo hướng dẫn tại điểm b mục 1.2.1.1 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 được sửa đổi, bổ sung tại Mục 3 Phụ lục kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023. Việc lựa chọn giá vật liệu xây dựng phải khách quan, minh bạch, đảm bảo hiệu quả của dự án.

- Khuyến khích lựa chọn vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng và xác định chi phí đầu tư xây dựng cho công trình, dự án nhưng phải đảm bảo hiệu quả đầu tư và đáp ứng yêu cầu của dự án.

- Trường hợp dự án có yêu cầu phải sử dụng vật liệu xây dựng đặc thù, không phổ biến trên thị trường, hoặc sử dụng vật liệu nhập khẩu thì phải thuyết minh cụ thể trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thuyết minh thiết kế xây dựng.

- Các tiêu chí cần đánh giá, xem xét khi lựa chọn giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình theo hướng dẫn tại điểm a mục 1.2.1.1 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 được sửa đổi, bổ sung tại Mục 3 Phụ lục kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023.

- Tùy thuộc các điều kiện cụ thể của dự án, công trình liên quan đến yêu cầu về vật liệu xây dựng, các tổ chức và cá nhân lựa chọn xác định giá vật liệu xây dựng theo nguyên tắc lựa chọn giá phù hợp nhất đáp ứng các tiêu chí nêu trên khi trình/thẩm định trên cơ sở các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, hiệu quả.

b) Phương pháp xác định giá vật liệu đến hiện trường công trình thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1.2.1.2 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

3. Tổ chức thực hiện.

a) Phòng Kinh tế, Vật liệu xây dựng, Quản lý nhà và Thị trường bất động sản có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Sở đăng tải công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng tại địa chỉ <http://sxd.lamdong.gov.vn/> (mục Kinh tế

VLXD Quản lý nhà TTBD&S/Giá Xây dựng) và gửi kết quả về Bộ Xây dựng, UBND tỉnh để theo dõi, quản lý theo quy định.

- Tiếp nhận các ý kiến phản ánh của các tổ chức, cá nhân có liên quan, tổng hợp báo cáo đề xuất Ban Giám đốc xem xét, chỉ đạo xử lý.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ công bố này là cơ sở để xác định giá xây dựng các dự án, công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây là dự án PPP); đối với các dự án sử dụng vốn khác tham khảo, sử dụng để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ; khi xác định giá xây dựng công trình phải được tính đúng, tính đủ theo từng dự án, công trình, gói thầu xây dựng phù hợp với yêu cầu thiết kế, điều kiện xây dựng và mặt bằng giá thị trường.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có văn bản gửi về Sở Xây dựng hoặc liên hệ trực tiếp qua số điện thoại 0263.3821.469 – Phòng KTVLXDQLN&TTBD&S để được xem xét, hướng dẫn theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Kho Bạc NN tỉnh Lâm Đồng;
- Các sở : KH&ĐT, TC, GTVT, NN&PTNT, CT;
- UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc;
- Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng;
- Ban QLDA ĐTXD &CTCC các huyện;
- Ban QLDA ĐTXD thành phố Bảo Lộc;
- Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thành phố Đà Lạt;
- Ban GĐ Sở;
- Các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở;
- Văn phòng Sở (để đăng tải cổng thông tin điện tử);
- Lưu: VT, KTXD.

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Trung